

Số: 250/PBMN-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
- Mã chứng khoán: SFG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.38325889
- Fax: 028.38322807
- Website: www.phanbonmiennam.com.vn
- Email: congty@phanbonmiennam.com.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Quốc Hùng
- Chức vụ: Giám đốc Tổ chức – Hành chính Công ty

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

Nội dung Thông báo đã được đăng lên Website của Công ty vào ngày 03 tháng 4 năm 2022 tại đường dẫn [http:// www.phanbonmiennam.com.vn/thong-tin-co-dong](http://www.phanbonmiennam.com.vn/thong-tin-co-dong)

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CBTT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT**



Trịnh Quốc Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Địa chỉ: Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931

Số fax: (028) 3832 5889

Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

BÁO CÁO 2021
THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN
VỮNG

04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

05

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển các rủi ro





Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 vào ngày 22/10/2021
Vốn điều lệ	478.973.330.000 đồng
Địa chỉ	Số 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 3832 5889 – 3839 3931
Số fax	(028) 3832 5889
Website	https://phanbonmiennam.com.vn/
Mã cổ phiếu	SFG



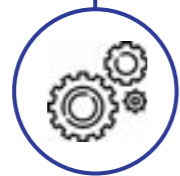
Quá trình hình thành và phát triển

1976



Công ty Phân bón Miền Nam (nay là Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam) được thành lập theo Quyết định số 426/HC-TC ngày 19/04/1976 của Tổng cục Hóa chất Việt Nam.

2010



Ngày 01/10/2010 Công ty Phân bón Miền Nam chuyển sang mô hình hoạt động là Công ty Cổ phần, trong đó nhà nước chiếm 65,05% vốn điều lệ.

2014



Ngày 01/12/2014, Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

2016



Ngày 14/10/2016, Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam thay đổi niêm yết theo Quyết định số 411/QĐ – SGDHCN ngày 12/10/2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

2019



Chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đầu tư tại Công ty thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

2021



Vào ngày 19/04/2021, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tổ chức ngày kỷ niệm 45 năm thành lập Công ty (19/04/1976 - 19/04/2021).





Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại : Supe Lân, NPK, phân bón lá Yogen.... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe Lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản;
- Kinh doanh khai thác cảng biển.



Địa bàn kinh doanh

Hệ thống phân phối của SFG gồm 400 địa lý cấp 1, hơn 10.000 đại lý cấp 2, chủ yếu tập trung ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, miền Trung và Tây Nguyên.

Bên cạnh việc phát triển thị trường trong nước, SFG cũng định hướng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Theo đó, Công ty đã xuất sang thị trường Malaysia, Campuchia, Lào, Myanma,...



Sản phẩm nổi bật



PHÂN BÓN MIỀN NAM
SUPE Lân Long Thành

PHÂN BÓN MIỀN NAM
SEJIC BIO-GOLD



PHÂN BÓN MIỀN NAM
Bông lúa nở bụi

PHÂN BÓN MIỀN NAM
Bông lúa năng suất vàng



PHÂN BÓN MIỀN NAM
NPK 20-20-15+TE
Dạng 1 hạt

PHÂN BÓN LÁ YOGEN
Yogen Beta Kali Humate



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

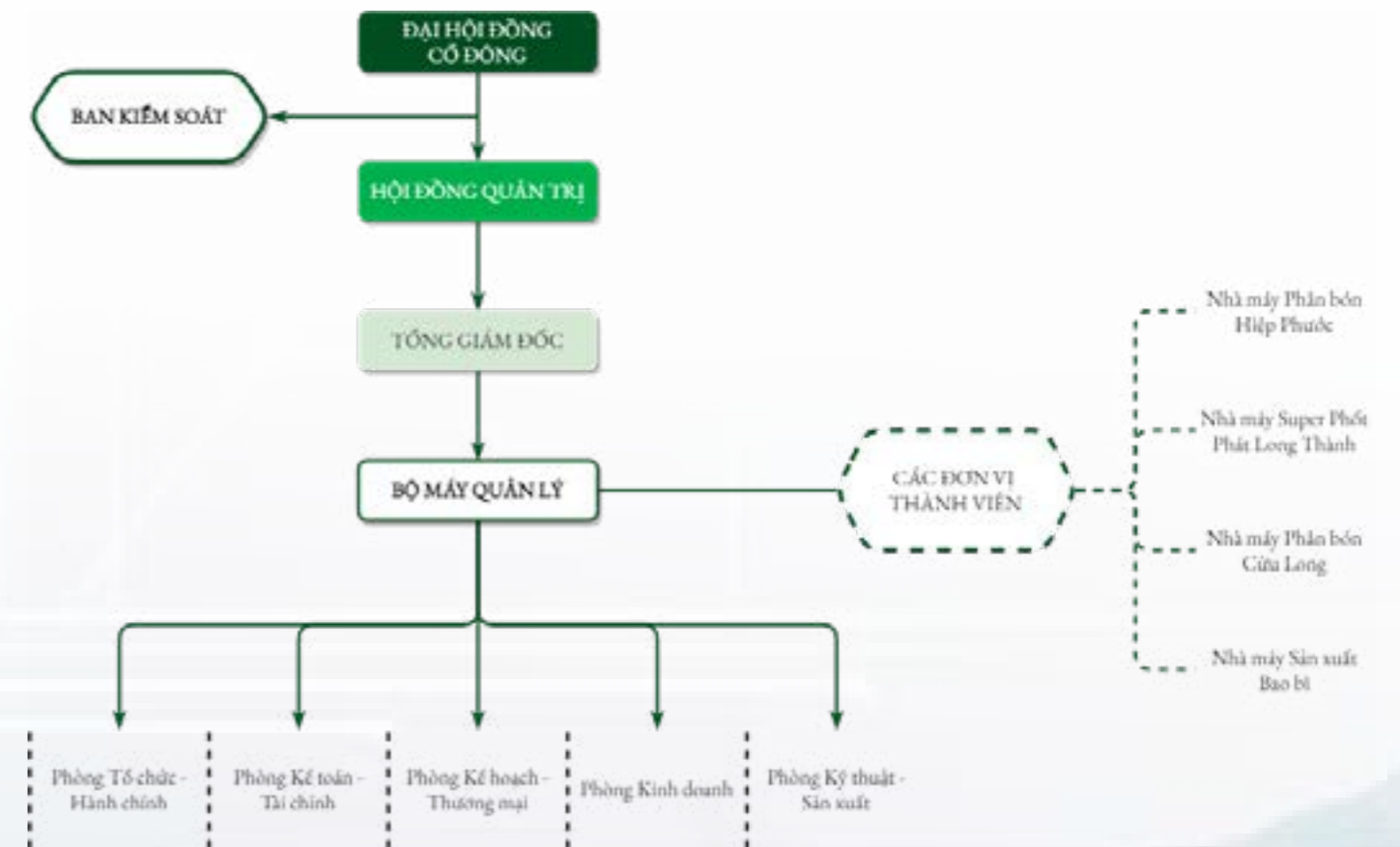
Công ty đã hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 bao gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban TGD.

Công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: USD

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con: Không có					
Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH Hóa chất LG Vina	Phòng 1101, tòa nhà SunWah, số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh hóa dẻo chủ yếu cho ngành nhựa PVC	1.980.000	35,00%

Cơ cấu bộ máy quản lý



» Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Xây dựng và phát triển thương hiệu theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm, sản xuất được các sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, tiến tới sản xuất các sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường.

Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước. Từng bước mở rộng thị trường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm đa dạng về chủng loại, mẫu mã đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Củng cố và phát triển thị trường trong nước là ưu tiên hàng đầu để nâng cao thị phần, chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu.

Nâng cao năng lực quản trị trong công tác điều hành, áp dụng công nghệ trong quản lý, duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với người lao động:

Công ty nỗ lực tạo điều kiện để công nhân viên trong Công ty được hưởng đầy đủ các chính sách đãi ngộ, phúc lợi tốt nhất để thúc đẩy tinh thần làm việc của người lao động và tạo sự gắn kết lâu dài với Công ty.

Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.

Đồng thời, Công ty luôn tạo môi trường để công nhân viên phát huy được năng lực của mình, thăng tiến một cách công bằng.

Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Kể từ thời điểm dịch bệnh bùng phát vào cuối tháng 04/2021, mọi lĩnh vực của nền kinh tế đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đáng chú ý nhất là vào quý III/2021. Cụ thể, các doanh nghiệp lúc này phải tạm thời đóng cửa, thực hiện giãn cách xã hội theo đúng chỉ thị của chính phủ đưa ra. Do chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, tốc độ tổng sản phẩm trong nước (GDP) ghi nhận tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2021 tuy là mức thấp nhất trong thập kỷ qua nhưng vẫn được xem là một thành công lớn của trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, trong sự tăng trưởng đó xuất hiện một số ngành nổi bật bao gồm sản xuất phân bón.

Trong năm 2021, biến động giá phân bón thế giới có xu hướng tăng mạnh. Cụ thể nguyên nhân đến từ: (1) giá các nguyên nhiên liệu đầu vào như giá khí, than và các loại hóa chất leo thang; (2) nhu cầu phân bón toàn cầu vẫn tăng xấp xỉ 1.5% so với cùng kỳ năm trước trong khi nguồn cung hạn chế; (3) đặc biệt trong nửa cuối năm và giá phân còn chịu tác động lớn bởi 1 số yếu tố địa chính trị. Tình hình biến động giá phân bón nội địa diễn biến cùng chiều với giá thế giới. Bên cạnh đó, nhờ vào tình hình thời tiết diễn biến thuận lợi từ hiện tượng La Nina dẫn đến sản lượng tiêu thụ phân bón ước tính đạt gần 10,3 triệu tấn. Từ việc cả sản lượng bán hàng lẫn giá bán đều tăng, điều này dẫn đến kết quả kinh doanh của Công ty ghi nhận được sự tăng trưởng mạnh.

Tuy nhiên, tình hình giá phân bón tăng mạnh sẽ gây tác động tiêu cực đến ngành nông nghiệp trong nước. Mặc dù Chính phủ, Bộ Công thương, và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tìm nhiều giải pháp để can thiệp nhằm kiềm hãm đà tăng giá phân trong nước, giảm bớt khó khăn cho nông dân (như can thiệp hành chính để chống đầu tư tích trữ, khuyến khích doanh nghiệp tạm ngừng xuất khẩu để phục vụ nhu cầu trong nước...). Do đó, Công ty luôn phải chủ động theo dõi, cập nhật tình hình thực tế những biến động của nền kinh tế, để hoạch định các phương án quản trị rủi ro thích hợp, giảm thiểu các tác động tiêu cực từ nền kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

! Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp được niêm yết trên sàn HOSE, các hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật pháp như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.... cùng các Nghị định, Thông tư liên quan. Kể từ ngày 01/01/2021 việc đưa vào áp dụng Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có thể sẽ làm phát sinh ít nhiều các vấn đề, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động chính của Công ty thuộc ngành Phân bón nên Công ty còn chịu sự ràng buộc của các chính sách riêng của ngành. Các chính sách phát triển ngành phân bón hóa chất trong nước và chính sách xuất nhập khẩu phân bón của các nước cung cấp phân bón chính trên thế giới đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế tối đa những rủi ro pháp luật có thể phát sinh trong quá trình hoạt động, Công ty đã chủ động tập trung cập nhật những thay đổi này. Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị xuống mức thấp nhất.



! Rủi ro lãi suất

Hiện tại nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với áp lực lạm phát cùng với việc các Ngân hàng trung ương lớn trên thế giới thay đổi chính sách liên tục, thậm chí là tăng lãi suất cho vay. Mặc dù vậy, Ngân hàng Nhà nước vẫn tiếp tục khuyến nghị các tổ chức tín dụng giảm thêm lãi suất cho vay trên cơ sở cắt giảm chi phí từ nguồn khác để không ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng. Trong năm 2021, mặt bằng lãi suất ở mức thấp, lãi suất cho vay tại các ngân hàng tại Việt Nam đều giảm để hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dân trong giai đoạn dịch COVID - 19.

Như vậy, mặt bằng lãi suất trong thời gian ngắn sắp tới có xu hướng không tăng quá cao. Tuy nhiên, đây chỉ là khuyến nghị của Ngân hàng Nhà nước, không phải bắt buộc. Chính vì vậy, Công ty luôn theo dõi sát sao và liên tục đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các chính sách tiền tệ cũng như chính sách cho vay của các Ngân hàng, để đưa ra những quyết định về tài chính một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

! Rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty bao gồm: Quặng Apatit, phân Lân, phân Ure, phân Kali, lưu huỳnh,... Đa phần các nguyên liệu đều nhập khẩu từ nước ngoài. Giá các nguyên vật liệu này nửa cuối năm 2021 có xu hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ cao, đặc biệt tăng ở giai đoạn nửa cuối năm 2021 cho đến hiện nay do một số yếu tố liên quan đến chính trị thế giới. Các chính sách về việc cấm xuất khẩu phân bón của Nga có thể ảnh hưởng nhiều đến giá phân bón trong ngắn hạn hoặc thậm chí là dài hạn. Nga là nước có tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu đầu vào ngành phân bón khá lớn, nên các chính sách của Nga có thể ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu đầu vào của thế giới.

Trước những khó khăn trên, Công ty luôn xây dựng các kế hoạch dự phòng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Công ty tiếp tục tự sản xuất phân Lân để làm nguyên liệu đầu vào cho phân NPK, tránh phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Ngoài ra, Công ty tích cực tìm kiếm các đối tác cung cấp nguyên liệu đầu vào để đảm bảo phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.



! Rủi ro thị trường đầu ra

Hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty là sản xuất phân bón cho đa dạng các loại cây trồng vậy nên các rủi ro như thay đổi công nghệ vào nền nông nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng hay các rủi ro đến từ các ảnh hưởng từ khí hậu, thời tiết, diện tích canh tác cây trồng cũng sẽ gây tác động đến sản phẩm đầu ra của Công ty.

Ngày nay, nền nông nghiệp nước ta dần chuyển sang hướng ứng dụng công nghệ 4.0 tiên tiến như robot canh tác, công nghệ GPS... nhằm mục đích tối ưu năng suất cây trồng, giảm các chi phí lao động, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên với sự xuất hiện của nền nông nghiệp thông minh 4.0 giúp người nông dân thay đổi các sản phẩm hoá học vào cây trồng, điều này sẽ gây thách thức cho Công ty khi đưa ra các công thức mới để bắt kịp sự thay đổi của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty đã đưa ra các sản phẩm phân bón phù hợp với cơ cấu cây trồng tại từng khu vực phân phối. Khi người dân địa phương có các kế hoạch thay đổi cơ cấu cây trồng tại khu vực, điều này cũng sẽ tác động đến cơ cấu sản phẩm đầu ra của Công ty. Vậy nên Công ty luôn phải nghiên cứu thị trường và quan sát, cập nhật thị hiếu của người dân để từ đó đưa ra các sản phẩm đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng.



Ngoài ra, với các ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu và thời tiết cũng gây tác động đến sản lượng tiêu thụ phân bón. Phân bón là ngành phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sản phẩm của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu đối với nông sản và điều kiện tự nhiên như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh... Điển hình như hiện tượng El Nino gây ra hạn hán ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên, xâm nhập mặn ở miền Nam, dẫn đến diện tích canh tác tại một số khu vực bị thu hẹp. Để hạn chế bớt rủi ro, ngoài việc luôn cố gắng theo dõi tình hình thị trường, Công ty luôn cập nhật các diễn biến về thời tiết, khí hậu nhằm chuẩn bị trước những biến động thất thường gây ảnh hưởng đến nhu cầu phân bón.

! Rủi ro khác



Nhà máy sản xuất phân bón là nhà máy hóa chất phức tạp, trong đó dễ xảy ra cháy nổ, gây thiệt hại đến cơ sở vật chất do phản ứng tỏa nhiệt ở áp suất cao và hiện diện của các hóa chất dễ cháy nổ như H_2 , O_2 , $CO...$ Việc kiểm soát công nghệ phải rất nghiêm ngặt, trong trường hợp sự cố xảy ra, dù có bảo hiểm nhưng việc ngừng sản xuất sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, các rủi ro bất khả kháng như các hiểm họa thiên nhiên hay dịch bệnh kéo dài là những rủi ro mà khi xảy ra sẽ gây tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những rủi ro này không thể loại bỏ hoàn toàn nhưng Công ty luôn đưa ra các chính sách đề phòng, giảm thiểu thiệt hại bằng cách thường xuyên theo dõi các dự báo thời tiết, áp dụng các phương thức bảo quản hợp lý cho sản phẩm, hàng hoá của Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.





Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			
				Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020	So với kế hoạch năm 2021
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất						
	Lân các loại	Tấn	84.087	100.000	116.657	138,74%	116,66%
	Phân hỗn hợp NPK	Tấn	109.131	170.000	106.935	97,99%	62,90%
	Axit Sunphuric (H ₂ SO ₄) - tổng số	Tấn	73.296	100.000	94.606	129,07%	94,61%
	Phân bón lá	Kg	86,54	120,00	120,22	138,92%	100,18%
	Bao bì	Tr. Cái	7,94	10,00	9,54	120,15%	95,40%
2	Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ						
	Lân các loại	Tấn	89.358	100.000	104.962	117,46%	104,96%
	Phân hỗn hợp NPK	Tấn	112.270	170.000	119.729	106,64%	70,43%
	<i>Sản phẩm tiêu thụ nội địa</i>	<i>Tấn</i>		<i>145.000</i>	<i>74.125</i>		<i>51,12%</i>
	<i>Sản phẩm xuất khẩu</i>	<i>Tấn</i>		<i>25.000</i>	<i>45.604</i>		<i>182,42%</i>
	Kinh doanh nguyên liệu	Tấn	49.457	25.000	96.754	195,63%	387,02%
	Axit Sunphuric (H ₂ SO ₄) - thương phẩm	Tấn	52.065	60.000	57.558	110,55%	95,93%
	Phân bón lá	Kg	101,26	120	107	105,67%	89,17%
	Bao bì	Tr. Cái	7,98	10	9,55	119,67%	95,50%
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	1.432.244	1.670.000	2.117.795	147,87%	126,81%





Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	1.055.285.204.266	1.428.503.832.706	135,37 %
2	Doanh thu thuần	1.388.464.414.545	2.109.677.175.890	151,94 %
3	Giá vốn hàng bán	1.288.924.083.341	1.948.958.392.719	151,21 %
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.063.168.014)	37.091.778.253	(1210,90) %
5	Lợi nhuận khác	6.088.914.709	5.953.198.199	97,77 %
6	Lợi nhuận trước thuế	3.025.746.695	43.044.976.452	1422,62 %
7	Lợi nhuận sau thuế	3.025.746.695	36.595.558.486	1209,47 %
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,50%		

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã ghi nhận những con số tích cực nhờ vào diễn biến thời tiết tích cực hơn và giá nông sản phục hồi từ cuối năm 2020 khi nguồn cung thiếu hụt và các hạn chế về đi lại do dịch Covid -19 được gỡ bỏ, khiến người nông dân không chỉ canh tác vào vụ Đông Xuân sớm mà còn nối vụ Hè Thu, dẫn đến sản lượng tiêu thụ phân bón tăng. Với sự cố gắng không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên, SFG đã ghi nhận mức doanh thu 2.109,68 tỷ đồng (tăng 51,94% so với cùng kỳ năm trước), lợi nhuận sau thuế đạt 36,60 tỷ đồng (tăng 1.109,47% so với cùng kỳ năm trước).





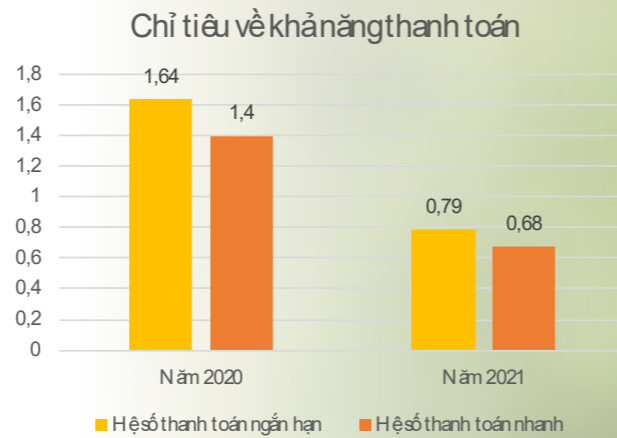
Các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,64	1,4
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	0,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,47	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,89	1,45
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,96	3,78
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,30	1,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,22%	1,73%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,54%	6,40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,28%	2,94%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	(0,22%)	1,76%

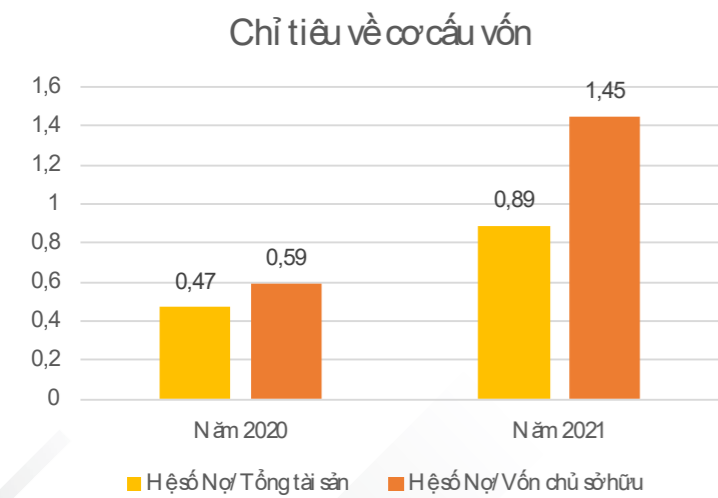


Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tính đến thời điểm cuối năm 2021, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn đã giảm từ 1,64 lần về 1,40 lần; hệ số thanh toán nhanh đã giảm từ 0,79 lần xuống 0,68 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đã tăng vay nợ tài chính ngắn hạn lên đến 317,16 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư tài sản cố định.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

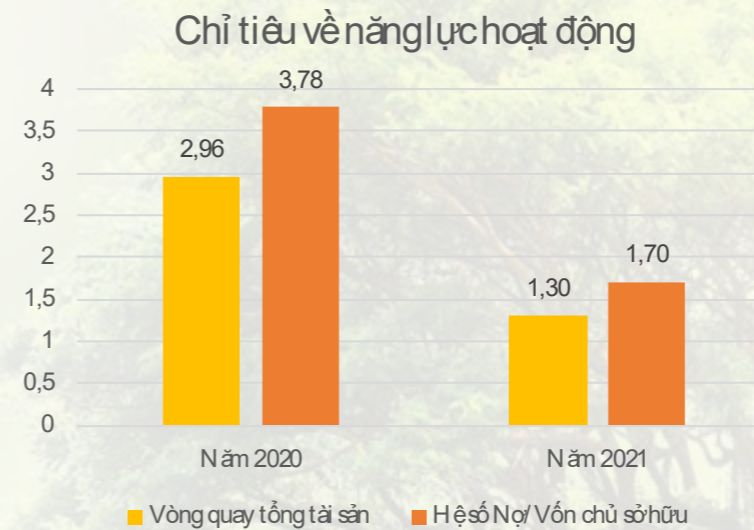


Nhìn chung, năm 2021 cơ cấu vốn của Công ty đã có sự biến động tương đối lớn so với năm trước, cụ thể hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu của năm 2021 lần lượt là 0,59 lần và 1,45 lần. Tổng nợ phải trả năm 2021 tăng 35,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm, Công ty đã tăng các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2021-2022. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu tăng 4,33% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân đến từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 1109,47% so với năm 2020 do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 47,87% so với cùng kỳ năm trước.

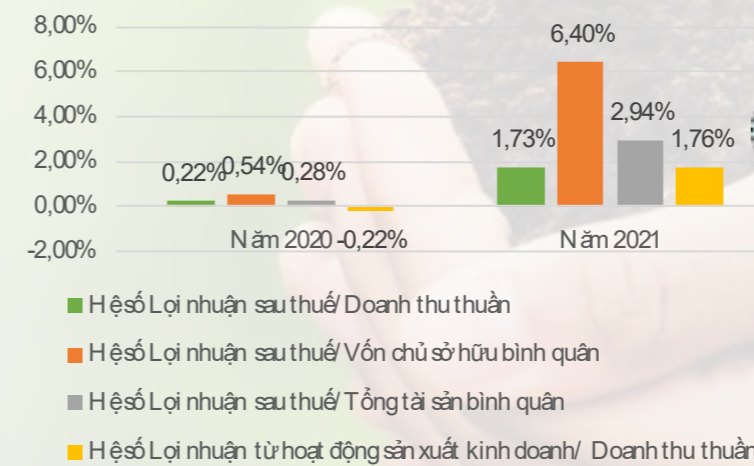
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2021 có sự tăng ấn tượng từ 2,96 vòng lên 3,78 vòng so với năm 2020. Nguyên nhân đến từ việc nguồn cung bị thắt chặt tại khu vực châu Âu và Trung Quốc, giá các phân đầu vào tăng cao khiến chi phí giá vốn hàng bán của Công ty đã tăng 50,94% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng ghi nhận mức tăng từ 1,3 vòng lên 1,7 vòng. Lý giải cho sự gia tăng trên đến từ sự tăng giá phân bón đáng kể trong điều kiện nhu cầu tăng cao nhờ hiện tượng La Nina kéo dài từ T8/2020 đến hết năm 2021 đã giúp gây mưa nhiều ở hầu hết các khu vực canh tác nông nghiệp, thúc đẩy nhu cầu chăm bón cây trồng và nâng cao năng suất cây trồng. Kết thúc năm 2021, doanh thu thuần đã ghi nhận mức tăng 51,94% so với năm 2020.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm tăng mạnh so với năm 2020 bất chấp ảnh hưởng của dịch bệnh đến nền kinh tế. Trong đó, chỉ tiêu ROE và ROA tăng mạnh so với năm 2020, lần lượt đạt 6,40% và 2,94% trong khi mức này năm trước là 0,54% và 0,28%. Bên cạnh đó, nhờ quản lý tốt các chi phí hoạt động, cải thiện kết quả kinh doanh. Do đó, hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần đã phục hồi, đạt 1,76%.



Tổ chức nhân sự

Thành viên và cơ cấu Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	61.935	0,13%
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	2.159	0,0045%
3	Đỗ Văn Tuấn	Kế toán trưởng	5	0,00%

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021

Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	05/02/2021	-
Ông Trần Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	01/11/2021



Lý lịch Ban điều hành



Ông Đặng Tấn Thành

Tổng Giám đốc

Ngày sinh 02/08/1963
Nơi sinh Cần Thơ
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

- 04/1981 - 03/1993: Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 04/1993 - 12/2004: Nhân viên Tiếp thị - Bán hàng Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 01/2005 - 07/2008: Nhân viên Tiếp thị - Bán hàng Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 08/2008 - 09/2010: Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 10/2010 - 12/2012: Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2013 - 07/2013: Nhân viên Tiếp thị - Bán hàng Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 08/2013 - 12/2015: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2016 - 05/2017: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long; Ủy viên Ban Thường vụ Công đoàn, Trưởng phòng Kinh doanh 1 Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 06/2017 - 04/2018: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long, Phó Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Kinh doanh 1 Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 05/2018 - 06/2018: Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 07/2018 - 01/2019: Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2019 - 03/2019: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 04/2019 - 05/2019: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất LG-VINA
- 06/2019 - nay: Bí thư Đảng ủy Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tại Công ty CP Phân bón Miền Nam, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất hóa dẻo VINA

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hoá chất chất hoá dẻo VINA
Số lượng cổ phần sở hữu 61.935 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,13%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 1.142 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002%



Ông Vũ Minh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh 08/11/1970
Nơi sinh Nam Định
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Kỹ sư Hóa

Quá trình công tác

- 10/1992 - 10/1996: Công nhân kỹ thuật Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 11/1996 - 04/2000: Trưởng ca sản xuất Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 05/2000 - 08/2005: Phó Quản đốc phân xưởng Super Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 09/2005 - 07/2008: Quản đốc phân xưởng Super Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 08/2008 - 11/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 12/2013 - 03/2017: Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 04/2017 - 12/2018: Phó Bí thư Chi bộ, Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 01/2019 - 02/2020: Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 03/2020 - 06/2020: Bí thư chi bộ, Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 07/2020 - 01/2021: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty, Bí thư chi bộ, Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 02/2021 - nay: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Giám đốc nhà máy Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có
Số lượng cổ phần sở hữu 2.159 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0045%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%



Ông Đỗ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Ngày sinh 12/07/1978
Nơi sinh Hà Nam
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế - Ngành Tin học Kinh tế, Kế toán Kiểm toán

Quá trình công tác

- 08/2001 - 02/2004: Nhân viên Kế toán Xí nghiệp Hóa chất Cơ bản Đồng Nai tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
- 03/2004 - 06/2011: Nhân viên phòng Kế toán tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
- 07/2011 - 01/2016: Phó phòng Tài vụ tại Công ty Hóa chất Cơ bản Miền Nam
- 02/2016 - 07/2016: Phó phòng Kế toán - Thống kê tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 08/2016 - 06/2017: Trưởng phòng Kế toán - Thống kê tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 07/2017 - 05/2018: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Thống kê tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 06/2018 - 01/2020: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 02/2019 - 6/2020: Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có
Số lượng cổ phần sở hữu 5 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

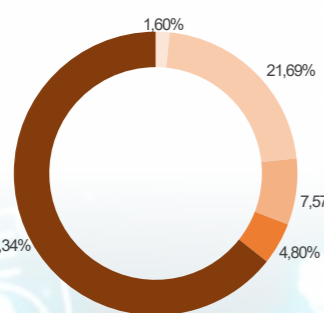


“ *Nâng tầm nông sản Việt* ”

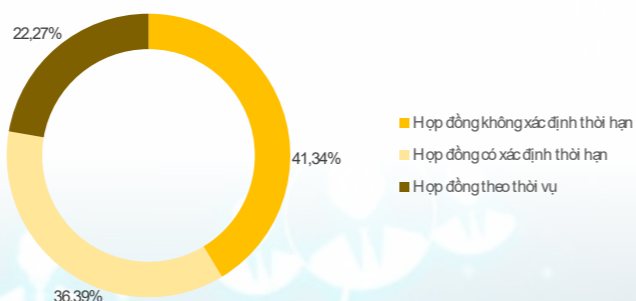
Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I	Theo trình độ	687	100,00%
1	Trên đại học	11	1,60%
2	Đại học	149	21,69%
3	Cao đẳng	52	7,57%
4	Trung cấp	33	4,80%
5	Lao động phổ thông	442	64,34%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	687	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	284	41,34%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	250	36,39%
3	Hợp đồng theo thời vụ	153	22,27%
Tổng cộng		687	100,00%

Theo trình độ



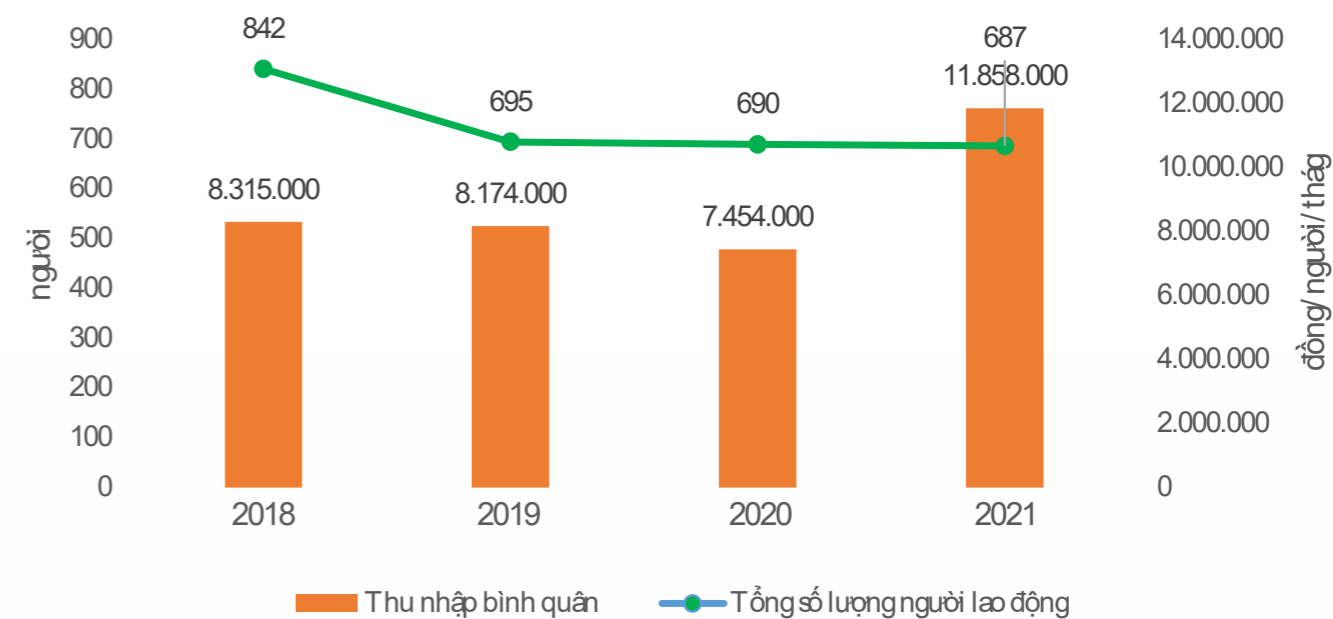
Theo tính chất hợp đồng lao động



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	842	695	690	687
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.315.000	8.174.000	7.454.000	11.858.000

Thu nhập bình quân của người lao động



Trên đại học
Đại học
Cao đẳng
Trung cấp
Lao động phổ thông

Hợp đồng không xác định thời hạn
Hợp đồng có xác định thời hạn
Hợp đồng theo thời vụ

Thu nhập bình quân
Tổng số lượng người lao động

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Hiểu được nhân lực là chìa khóa quan trọng cho sự phát triển lâu dài của Công ty, Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao tay nghề chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ. Các khóa đào tạo được Công ty kết hợp xen kẽ giữa đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích của khóa đào tạo.

Môi trường công việc

Công ty đề ra những tiêu chí rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng xây dựng một chế độ làm hợp lý nhằm tạo môi trường làm việc lành mạnh, tâm lý thoải mái cho người lao động.

Ngoài ra, mọi ý kiến đóng góp của cán bộ nhân viên luôn được Ban lãnh đạo ghi nhận, cân nhắc và áp dụng nếu phù hợp với quá trình hoạt động, mang lại hiệu quả trong công việc.

Về tuyển dụng

Để đảm bảo có thể tuyển được nhân lực đáp ứng được trình độ chuyên môn, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, quy trình tuyển dụng được diễn ra chặt chẽ, công bằng, công khai, minh bạch.

Về đào tạo

Công ty đã thực hiện tốt bữa ăn ca cho người lao động, đảm bảo dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm, cấp phát đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; kỷ luật lao động; chính sách đối với lao động nữ; an toàn - bảo hộ lao động...

Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy trách nhiệm, tinh thần lao động, nâng cao trình độ chuyên môn, tự hoàn thiện mình và mang lại lợi ích cho Công ty.





Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2021, Công ty đầu tư vào các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong đó tổng mức đầu tư là 7.791 triệu đồng.

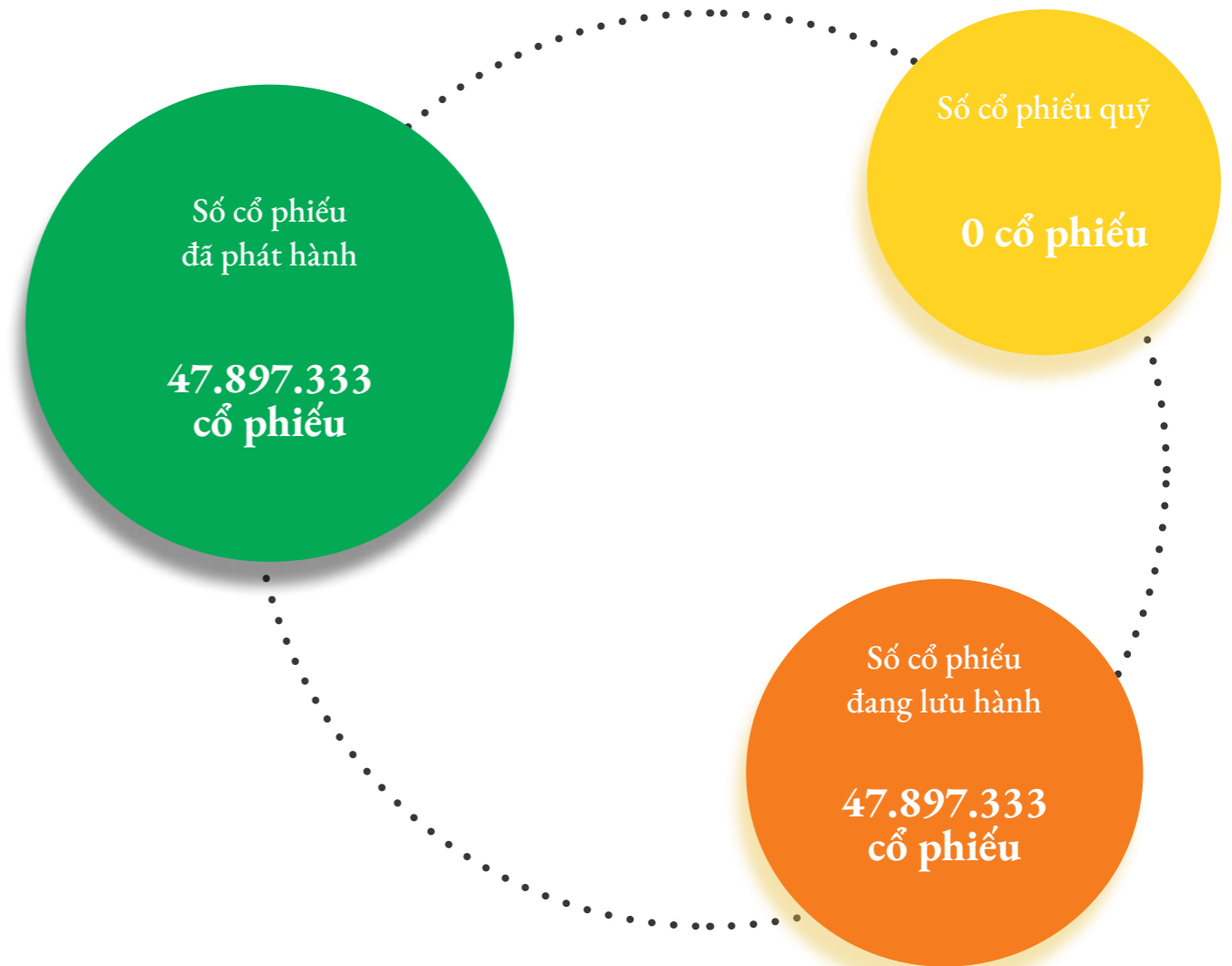
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tên nhà đầu tư	Hình thức đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Quy mô/ địa điểm	Tổng mức đầu tư dự án
1	Tủ cắt điện trung thế 6kv lộ 675, 676				400A-6kV	965
2	Bơm axit chìm 120m3/giờ				120m3/giờ	3.303
3	Xe ô tô	Công ty Cổ	100% vốn	Phục vụ sản	5 chỗ	816
4	Xe nâng hàng (3 tấn, nâng cao 3m)	phần Phân bón	doanh	xuất, kinh	3 tấn	541
5	Xe đào	Miền Nam	nghiệp	doanh	0,1m3	483
6	Xe nâng hàng (3 tấn, nâng cao 4,5m)				3 tấn	693
7	Xe nâng hàng (4,5 tấn, nâng cao 4m)				4,5 tấn	990
Tổng cộng						7.791



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần



Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

Cơ cấu cổ đông

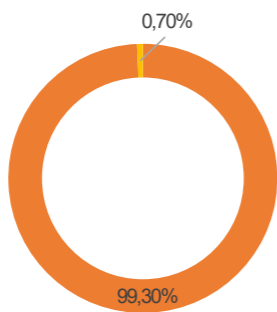
Tính tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	31.158.813	311.588.130.000	65,05%
1	Cổ đông Nhà nước	31.158.813	311.588.130.000	65,51%
2	Cá nhân	15.299.505	152.995.050.000	32,17%
3	Tổ chức	1.102.844	11.028.440.000	2,32%
II	Cổ đông nước ngoài	336.171	3.361.710.000	0,70%
1	Cá nhân	71.171	711.710.000	21,17%
2	Tổ chức	265.000	2.650.000.000	78,83%
Tổng cộng		47.897.333	478.973.330.000	100,00%

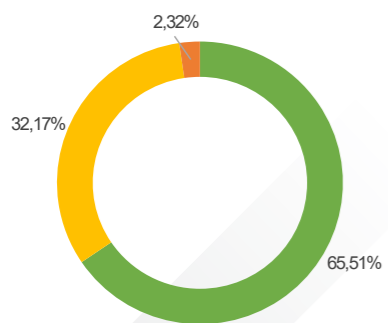
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 49%

Loại cổ đông



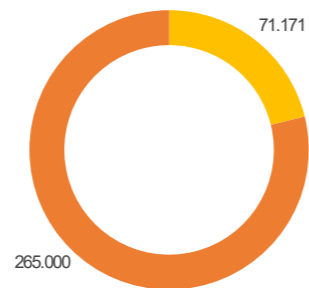
■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

Cổ đông trong nước



■ Cổ đông Nhà nước
■ Cá nhân
■ Tổ chức

Cổ đông nước ngoài



■ Cá nhân
■ Tổ chức

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý
2010	377.000.000.000			Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430500 cấp lần đầu ngày 20/09/2010.
2012	414.699.890.000	37.699.890.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số.....
2013	435.433.060.000	20.733.170.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số.....
2016	478.973.330.000	43.540.270.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số.....-Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết số 411/QĐ-SGDHCM ngày 12/10/2026
2017 đến nay				Công ty không thay đổi vốn điều lệ

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động môi trường

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng - Tiêu thụ nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh





Tác động lên môi trường

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, có liên quan đến các chất hoá học do đó trong quy trình sản xuất sẽ phát sinh các loại chất thải, khí thải ra môi trường. Nhận thức được sự ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, Ban lãnh đạo Công ty, các cán bộ nhân viên luôn chú trọng đến đảm bảo thực hiện đúng quy định bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh lẫn trong hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Bên cạnh lượng chất thải, các loại khí thải phát sinh từ các quy trình sản xuất từ các nhà máy sẽ tác động đến sự biến đổi khí hậu gây nên hiệu ứng nhà kính dẫn đến những hậu quả khó lường.

Để hạn chế được các tác động tiêu cực từ quy trình sản xuất đến môi trường, Công ty luôn chú trọng các biện pháp như nâng cao các máy móc, thiết bị trong sản xuất vừa đáp ứng được năng suất hoạt động vừa có công nghệ cao xử lý lượng chất thải, khí thải một cách nghiêm ngặt. Bên cạnh đó, trong hoạt động kinh doanh lẫn các quá trình sinh hoạt tại văn phòng Công ty luôn ưu tiên trong việc sử dụng năng lượng sạch một cách tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng các sản phẩm mang tính vật liệu xanh nhằm đảm bảo giảm phát thải nhà kính. Định kỳ hàng năm Công ty đều được đánh giá tác động môi trường do cơ quan môi trường Bộ Công thương thực hiện và luôn đạt các yêu cầu về các chỉ tiêu, thông số theo quy định.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu



Hoạt động trong lĩnh vực phân bón nên nguyên liệu chủ yếu để sản xuất của Công ty là SA, Kali, DAP, Urea, Lưu huỳnh, Apatit,... Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng quá trình sản xuất của Công ty trong năm là 228 triệu. Các nguyên vật liệu Công ty sử dụng đều được kiểm tra chất lượng và nhập kho nghiêm ngặt để sản xuất và đưa ra sản phẩm chất lượng tốt nhất. Bên cạnh đó, công tác bảo quản cũng được lưu trữ trong điều kiện bảo quản tối ưu, tránh để xảy ra các tình trạng hư hỏng, đặc biệt là đối với sản phẩm phân bón, hoá chất gây tổn thất cho Công ty và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu công ty luôn nghiên cứu, khuyến khích người lao động có những sáng kiến nhằm sử dụng hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống xung quanh.



Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được quan tâm ở các doanh nghiệp, bao gồm cả Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. Công ty thực hiện vận hành các nhà máy sản xuất của mình đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả. Các hoạt động tại nhà máy lẫn trong sinh hoạt của Công ty đều được đưa ra mức tiêu chuẩn về tiêu thụ điện, nước hay các năng lượng khác. Ngoài ra, nguồn năng lượng như xăng, dầu được sử dụng trong quá trình vận chuyển, các máy phát điện dự phòng cũng được cân nhắc sử dụng một cách tiết kiệm và hợp lý. Trong quá trình hoạt động nhằm duy trì mức chi phí tiêu thụ năng lượng ở mức độ phù hợp, Công ty luôn đưa ra các giải pháp nhằm tối ưu hoá việc tiêu thụ năng lượng, bên cạnh việc thực hiện mà Công ty còn kêu gọi các cán bộ nhân viên sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Tiêu thụ nước

Công ty tiêu thụ nước trong các hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy và phục vụ cho hoạt động hàng ngày của người lao động. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại các nhà máy là nước do Công ty nước cung cấp. Toàn bộ hệ thống nhà máy sử dụng bình quân lượng nước khoảng 10.657m³/tháng. Trong đó, 21.600m³ lượng nước phát sinh trong quá trình sản xuất luôn được tái sử dụng lại tương ứng với khoảng 1.800m³/tháng nhằm hạn chế lãng phí nguồn nước để bảo vệ môi trường. Công ty cũng đưa ra chính sách tiêu thụ tối ưu nguồn nước ở các nhà máy và khu văn phòng, như là một hành động đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



Tuân thủ phát luật về bảo vệ môi trường

Hoạt động kinh doanh chủ lực của Công ty là sản xuất phân bón, nguyên vật liệu bao gồm các chất hoá học vậy nên sẽ gây tác động đến môi trường xung quanh. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của quy trình sản xuất đối với môi trường, Công ty luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường và luôn tuân thủ đúng quy định về các công tác xử lý chất thải, sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm... Trong năm qua, Công ty không có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Các hoạt động sản xuất kinh doanh được đánh giá theo chuẩn mực của Hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty được xây dựng và duy trì tính thống nhất và hiệu quả theo hướng tích hợp an toàn sức khỏe môi trường các tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và ISO 9001:2015. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường xây dựng các chương trình truyền thông về môi trường bao gồm cả trong sản xuất lẫn trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.





Chính sách liên quan đến người lao động

Nắm bắt được xu hướng cạnh tranh trong thời đại 4.0 là cạnh tranh về nguồn lực, đồng thời nhận thức được nhân lực chính là nòng cốt của sự phát triển cho Công ty vậy nên Công ty luôn tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ lao động. Mức lương, thưởng được chi trả theo hệ số, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao của mỗi cá nhân và luôn được xác định một cách công tâm, minh bạch. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho người lao động. Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, cán bộ nhân viên còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, các vấn đề trợ cấp khác..., hay trong giai đoạn dịch bệnh hoành hành Công ty đã hỗ trợ người lao động trong giãn cách xã hội, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức gia các chương trình phát triển kỹ năng đối với người lao động nhằm nâng cao kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ nhân viên. Trong lĩnh vực bất động sản, Công ty ưu tiên tổ chức đào tạo cho người lao động về các biện pháp an toàn lao động, các biện pháp phòng cháy chữa cháy... nhằm đảm bảo tiến trình hoạt động và tạo môi trường làm việc an toàn cho các nhân viên.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến các công tác từ thiện - xã hội như: Ủng hộ quỹ thiên tai lũ lụt, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng, ủng hộ trẻ em bị chất độc da cam, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ quỹ vaccine phòng chống COVID-19, ủng hộ bệnh viện tại một số địa phương trong công tác phòng chống dịch, ủng hộ các địa phương trong việc chăm lo cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Công ty còn trích một phần lợi nhuận để hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn cũng như tạo điều kiện đóng góp vào các quỹ phát triển, các dự án xây dựng của địa phương.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có.



Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2021

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Hội đồng quản trị và các cổ đông thân thiết của Công ty.
- Công ty có được đội ngũ lao động lành nghề, đoàn kết, gắn bó lâu năm với Công ty.
- Hệ thống phân phối của Công ty được triển khai sâu rộng.
- Nhờ vào thời tiết biến đổi thuận lợi do hiện tượng La Nina mà sản lượng tiêu thụ tăng và sự tăng giá của các sản phẩm phân bón dẫn đến tình hình hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty ghi nhận kết quả tốt đẹp.

Khó khăn

- Việc lên kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu tồn kho hợp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp khó khăn do giá nguyên vật liệu đầu vào biến động thất thường, khó dự báo.
- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong và ngoài nước ngày càng diễn ra gay gắt. Ngoài ra, mặt hàng chủ lực của Công ty là phân bón NPK không những phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất NPK trong ngành mà còn cạnh tranh với những doanh nghiệp kinh doanh phân đơn nhập khẩu, phân hữu cơ. Việc gia tăng nhu cầu sử dụng các loại phân bón khác của người dân đã khiến cho nhu cầu phân bón NPK giảm mạnh.
- Tình trạng sản xuất hàng giả, hàng nhái vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các sản phẩm kém chất lượng vẫn xuất hiện tràn lan trên thị trường làm rối loạn thị trường phân bón.
- Đại dịch COVID-19 diễn biến khó lường gây ảnh hưởng đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội, chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, việc giao thương bị hạn chế, hoạt động xuất khẩu trì trệ, giá nông sản duy trì ở mức thấp đã khiến cho nhu cầu sử dụng phân bón của người nông dân suy giảm.





Những tiến bộ đã đạt được

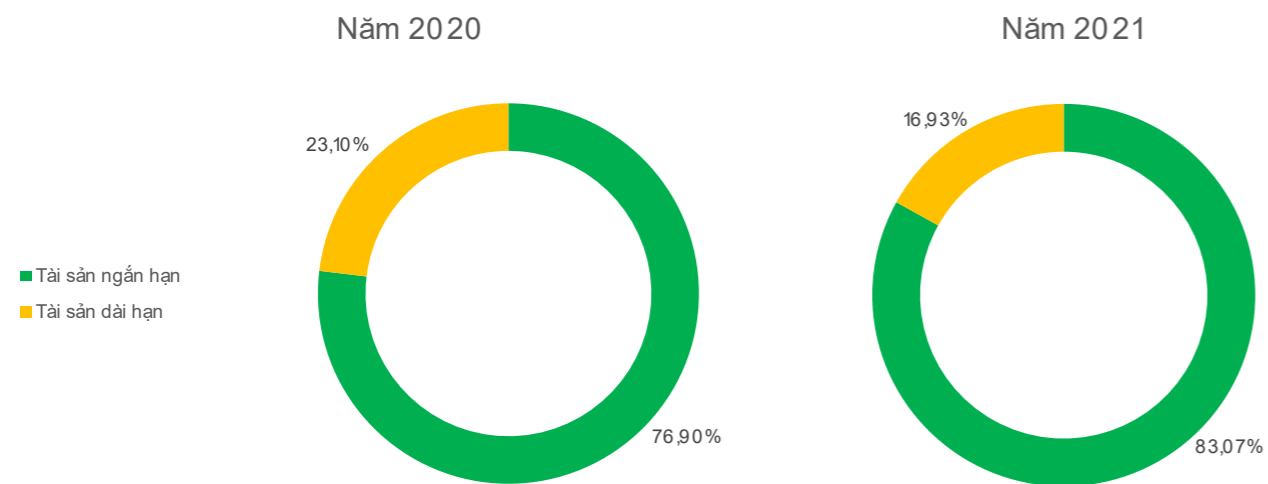
- Công ty đã cải tạo dây chuyền axit số 2 nhằm mục đích: nâng cao hiệu suất chuyển hoá lên trên 99,8% và nồng độ SO₂ trong khí thải nhỏ hơn 500mg/m³.
- Công ty đã cố gắng nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình. Duy trì và phát triển vững chắc các thị trường chiến lược, thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước.
- Phát triển dòng sản phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, tốt cho đa dạng các loại cây; nghiên cứu và sản xuất các loại sản phẩm mới phù hợp với biến đổi khí hậu, sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và định hướng phát triển nông nghiệp của Chính phủ; đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.



Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

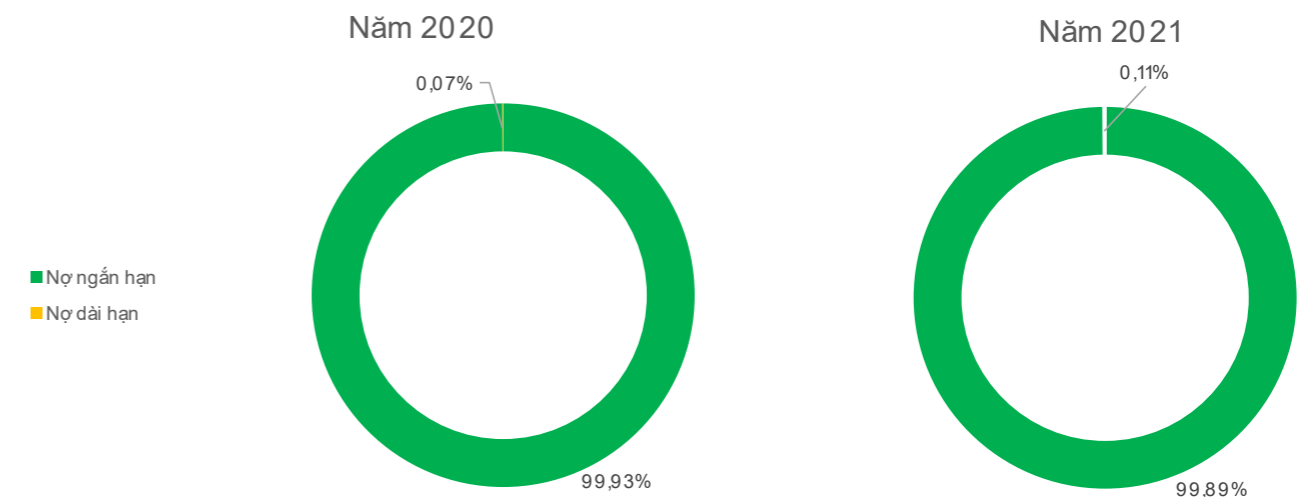
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	811.553.450.785	1.190.164.296.712	146,65%	76,90%	83,07%
Tài sản dài hạn	243.731.753.481	242.488.119.715	99,49%	23,10%	16,93%
Tổng tài sản	1.055.285.204.266	1.432.652.416.427	135,76%	100%	100%



Nhìn chung, tổng tài sản đã có sự gia tăng đáng kể so với năm 2020. Kết thúc năm 2021, tổng tài sản đã tăng đến 375,37 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 35,76% so với cùng kỳ. Lý giải cho mức tăng này chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn đã ghi nhận mức tăng 46,65% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc trong năm, trước những diễn biến khó lường của nền kinh tế, Công ty hạn chế đầu tư dự án mới, đồng thời để dự trữ vốn sẵn sàng để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra ổn định, công ty đã tăng gửi tiền vào các Ngân hàng thương mại với kỳ hạn 06 tháng dẫn đến khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty đã tăng 856,61% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, dự đoán giá phân bón ngày càng tăng, Công ty đã tăng dự trữ hàng tồn kho thêm 46,31% so với cùng kỳ.

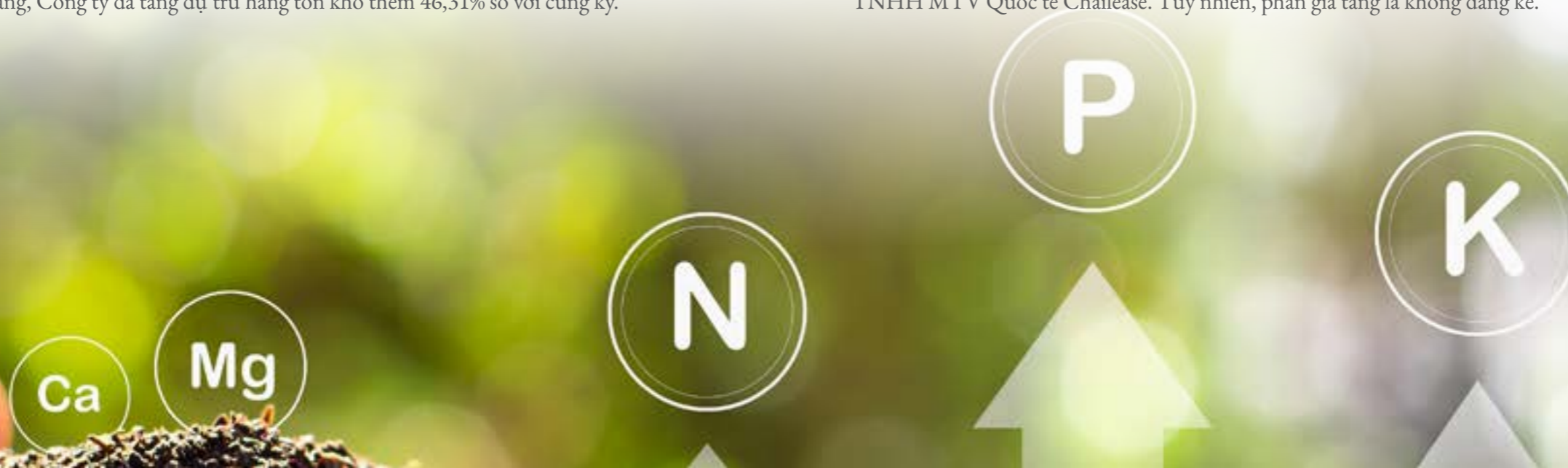
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	495.536.398.369	848.092.916.651	171,15%	99,93%	99,89%
Nợ dài hạn	331.850.775	895.379.154	269,81%	0,07%	0,11%
Tổng nợ phải trả	495.868.249.144	848.988.295.805	171,21%	100%	100%



Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 99,89% tại thời điểm cuối năm 2021. Trong năm, nợ ngắn hạn đã tăng 352,56 tỷ đồng (tăng 71,15%) so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đã vay nợ ngân hàng lên đến 697,26 tỷ đồng, tăng 83,34% so với cùng kỳ nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng hàng tồn kho.

Diễn biến cùng chiều với nợ ngắn hạn, nợ dài hạn cũng tăng 331,37% so với cùng kỳ. Lý giải cho mức tăng trên đến từ việc Công ty đã vay nợ thuê tài chính là ô tô con Toyota trị giá gần 1,3 tỷ đồng từ Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease. Tuy nhiên, phần gia tăng là không đáng kể.

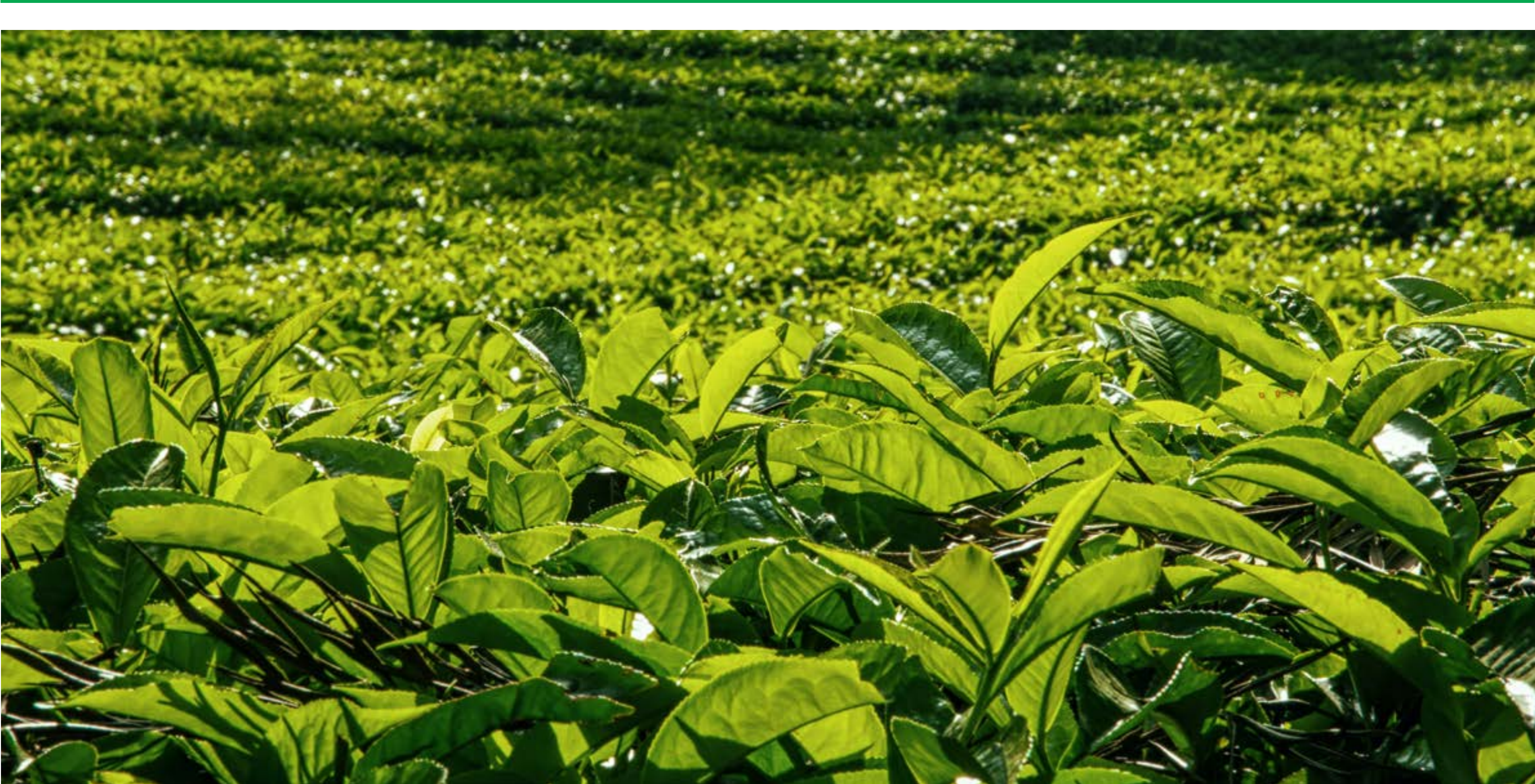


Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT





Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Công tác kế toán tài chính: Quản lý tốt các nguồn vốn, tài sản của nhà nước, đáp ứng đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ chi phí đúng theo quy chế, quy định của công ty.
- Công tác đầu tư: Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, các dự án đầu tư năm 2021 đảm bảo đúng tiến độ, mang lại hiệu quả.
- Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm: HĐQT đã đánh giá đúng, chính xác các thị trường tiêu thụ phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, rà soát các chủng loại sản phẩm để tập trung phát triển. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ Lân, axit dần ổn định, đồng thời, Công ty đã mở rộng được ra thị trường miền Bắc.
- Tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn đoàn kết, cùng nhau cố gắng vượt qua khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu được giao.
- Lãnh đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao.
- Công tác Kỹ thuật – Sản xuất: Công ty đã kịp thời sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất, kiểm soát tốt chất lượng, nguyên vật liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm khi sản xuất, sử dụng nguyên liệu hợp lý, mang lại hiệu quả cao.
- Công tác bảo vệ môi trường: Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường, tuân thủ tốt việc xử lý chất thải từ các nhà máy sản xuất và chất thải trong sinh hoạt.
- Trách nhiệm đến xã hội: Công ty luôn tổ chức tham gia các buổi quyên góp, hỗ trợ đến người dân địa phương, các hoàn cảnh gia đình khó khăn, hỗ trợ lương thực và các dụng cụ phòng dịch bệnh đến các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hàng quý, hoặc đột xuất Hội đồng quản trị thực hiện các cuộc họp để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch kỳ trước, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ tới; kịp thời thảo luận và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đều trình lên Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Hội đồng quản trị luôn thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể số nội dung chủ yếu sau:

- Hoàn thành và công bố thông tin báo cáo tài chính đúng quy định;
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đúng quy định của pháp luật vào ngày 23 tháng 4 năm 2021;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 theo hình thức trực tuyến đúng quy định của pháp luật vào ngày 30 tháng 12 năm 2021;
- Kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm quý I và quý II, quý III và quý IV năm 2021;
- Triển khai việc chốt danh sách để chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 2,5%;
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 trong Công ty để ban hành quyết định phục vụ nhu cầu đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;
- Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, giám sát thực hiện quy chế nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành Công ty;
- Kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh, sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường.





Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, định hướng nhiệm vụ sản xuất của CTCP Phân bón Miền Nam là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, HĐQT sẽ tiếp tục phối hợp với Ban điều hành Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung chủ yếu vào các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ công nhân viên, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty, rà soát cắt giảm các nội dung, chi tiêu không hợp lý nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.
- Xem xét, đánh giá kỹ các dự án đầu tư xây dựng trước khi quyết định đầu tư nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng vốn.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong các nhà máy.
- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát thị trường để đưa ra những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình kinh tế, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 mà ĐHĐCĐ thông qua.



Quản trị Công ty

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát





Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
2	Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT	61.935	0,13%
3	Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT	774	0,00%
4	Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	3.049	0,01%
5	Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	0	0,00%

Những thay đổi trong HĐQT trong năm 2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Hữu Cường	Thành viên	09/05/2015	30/12/2021
2	Ông Trần Phi Hùng	Thành viên	06/08/2010	30/12/2021
3	Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	30/12/2021	
4	Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	30/12/2021	



Danh sách Hội đồng quản trị

**Ông Nguyễn Văn Quý***Chủ tịch HĐQT*

Ngày sinh 18/7/1965
Nơi sinh Phú Thọ
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Kỹ sư Hoá

Quá trình công tác

- 01/1983 - 02/1991: Tổ trưởng sản xuất tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 03/1991 - 01/1992: Học viên tại Trường Đoàn Cao cấp trung ương
- 01/1992 - 03/2000: Phó Bí thư, Bí thư Đoàn Thanh Niên tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 04/2000 - 05/2002: Phó Chủ tịch Công đoàn tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 06/2002 - 07/2008: Chánh văn phòng tại Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
- 08/2008 - 12/2010: Chánh Văn phòng Đảng ủy, kiêm Chánh Văn phòng tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 01/2011 - 06/2019: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 04/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 07/2019 - 07/2020: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Trưởng ban Kiểm tra – Pháp chế tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 08/2020 - nay: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Chủ tịch HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

**Ông Đặng Tấn Thành***Thành viên HĐQT*

(Xem lại phần Danh sách Ban Điều hành)

**Ông Lê Việt Hưng***Thành viên HĐQT*

Ngày sinh 18/7/1969
Nơi sinh Quảng Ngãi
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác

- 12/1990 - 08/2007: Nhân viên phòng Sản xuất tại Công ty Phân bón Miền Nam
- 08/2007 - 11/2010: Phó phòng Sản xuất tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 12/2010 - 05/2015: Trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 06/2015 - 04/2018: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 05/2018 - 04/2019: Thành viên HĐQT, Giám đốc Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 05/2019 - 12/2021: Thành viên HĐQT, Giám đốc Kỹ thuật – Sản xuất tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2022 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất chất hóa dẻo VINA
Số lượng cổ phần sở hữu 774 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

**Ông Trịnh Quốc Hùng**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh 07/01/1974
Nơi sinh Thanh Hóa
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân khoa học – Ngành Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác

- 01/1995 - 09/1997: Nhân viên y tế dự phòng tại Bệnh viện Bá Thước, xã Lâm Xa, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
- 10/1997 - 06/2005: Kinh doanh tự do
- 07/2005 - 12/2012: Nhân viên phòng Tổng hợp tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2013 - 09/2014: Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 10/2014 - 06/2017: Đảng ủy viên, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 07/2015 - 07/2017: Đảng ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 07/2017 - 04/2018: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, ủy viên ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 05/2018 - 06/2020: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, ủy viên ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 07/2020 đến nay: Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam. Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính tại Công ty CP Phân bón Miền Nam
- 12/2021 đến nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có
Số lượng cổ phần sở hữu 3.049 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

**Ông Ngô Ngọc Quang**

Thành viên HĐQT

Ngày sinh 02/03/1979
Nơi sinh Hà Nội
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn

Quá trình công tác

- 03/2002 - 01/2005: Cán bộ tín dụng - Chuyên viên Tín dụng doanh nghiệp tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 02/2005 - 05/2006: Cán bộ tín dụng - Tổ trưởng tổ thu xếp vốn và tín dụng doanh nghiệp tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 06/2006 - 08/2006: Trợ lý Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 09/2006 - 06/2007: Cán bộ tín dụng - Thử thách Phó phòng Tín dụng tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 07/2007 - 08/2008: Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư Dự án tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 09/2008 - 03/2009: Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 03/2009 - 07/2012: Trưởng phòng Đầu tư tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 07/2012 - 08/2012: Phó Giám đốc tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- 08/2012 - 09/2013: Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Tây - WTB
- 10/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Khối Khách hàng DN lớn tại Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 06/2017 đến nay: Thành viên HĐQT tại Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
- 12/2021 đến nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Thành viên HĐQT Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm: Trong năm 2021, HĐQT công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thể hiện như sau:

- Tham dự và chỉ đạo các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT. Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh từng quý cho Công ty, chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế, đưa ra định hướng để thực hiện nhiệm vụ;
- Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán, thông qua các hồ sơ, tài liệu trình Đại hội cổ đông thường niên do Tổng Giám đốc Công ty trình. Các báo cáo tài chính Quý, 06 tháng được HĐQT xem xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch của báo cáo tài chính trước khi công bố thông tin theo quy định của Pháp luật

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT	
3	Ông Trần Hữu Cường	Thành viên HĐQT	
4	Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT	
5	Ông Trần Phi Hùng	Thành viên HĐQT	Bận việc gia đình đột xuất
6	Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	-	-	Mới được bầu thành viên HĐQT ngày 30/12/2021
7	Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	-	-	Mới được bầu thành viên HĐQT ngày 30/12/2021

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có



*Nâng
 tầm
 nông
 sản
 Việt*

Hội đồng quản trị đã tổ chức 20 phiên họp, trong đó có 10 phiên họp trực tiếp và 10 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
			Hội đồng quản trị họp và thông qua các nội dung chính như sau: - Kế hoạch sản xuất – kinh doanh quý I năm 2021;
1	01/NQ-HĐQT	29/01/2021	- Sửa đổi Quy chế hoạt động và quản lý điều hành Công ty; - Triển khai thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án cao ốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
2	02/QĐ-HĐQT	29/01/2021	Giao kế hoạch sản xuất – kinh doanh Quý I năm 2021
			Hội đồng quản trị họp và thông qua các nội dung chính như sau: - Bổ nhiệm có thời hạn (5 năm) ông Vũ Minh Tuấn Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam;
3	03/NQ-HĐQT	05/02/2021	- Kế hoạch, thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, dự kiến vào ngày 23/4/2021 tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước, lô B2, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
4	04/QĐ-HĐQT	05/02/2021	Quyết định bổ nhiệm ông Vũ Minh Tuấn Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
5	05/NQ-HĐQT	26/02/2021	Hội đồng quản trị họp và thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là ngày 18/3/2021.
6	06/NQ-HĐQT	25/03/2021	Hội đồng quản trị họp và thông qua kế hoạch triển khai quy trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
7	07/QĐ-HĐQT	25/03/2021	Kế hoạch triển khai quy trình quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 – 2026 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
8	08/QĐ-HĐQT	02/04/2021	Quy chế kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
			Hội đồng quản trị họp và thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021, chi tiết gồm: - Chương trình tổ chức Đại hội; - Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; - Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; - Tờ trình kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2021 và dự kiến mức chia cổ tức năm 2021;
9	09/NQ-HĐQT	08/04/2021	- Tờ trình về việc trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và dự kiến năm 2021; - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; - Tờ trình ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; - Tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. - Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10	10/NQ-HĐQT	22/04/2021	Hội đồng quản trị họp và thông qua kế hoạch sản xuất – kinh doanh quý II năm 2021
11	11/QĐ-HĐQT	22/04/2021	Giao kế hoạch sản xuất – kinh doanh quý II năm 2021

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
12	12/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2020	<p>Đại hội đồng cổ đông họp ngày 23/4/2021 thông qua các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2020 và mục tiêu phương hướng năm 2021; - Báo cáo của Ban Điều hành Công ty về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021; - Báo cáo tài chính toán tắt năm 2020 đã được kiểm toán; <p>Tờ trình phương án phân chia lợi nhuận và trả cổ tức năm 2020;</p> <p>Tờ trình kế hoạch sản xuất – kinh doanh và cổ tức năm 2021, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2021 và thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông;</p> <p>Tờ trình về việc trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và dự kiến năm 2021;</p> <p>Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;</p> <p>Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>Tờ trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>
13	13/QĐ-HĐQT	23/04/2021	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025
14	14/QĐ-HĐQT	29/04/2021	Quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam giai đoạn 2021 - 2026
15	15/NQ-HĐQT	29/04/2021	Hội đồng quản trị họp thống nhất triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
16	16/NQ-HĐQT	29/04/2021	Hội đồng quản trị họp thống nhất triển khai thực hiện quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
17	17/NQ-HĐQT	31/05/2021	Hội đồng quản trị đồng ý bổ nhiệm lại có thời hạn (5 năm) ông Đỗ Văn Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.
18	18/QĐ-HĐQT	31/05/2021	Quyết định bổ nhiệm lại có thời hạn (5 năm) ông Đỗ Văn Tuấn giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
19	19/NQ-HĐQT	04/06/2021	Hội đồng quản trị đồng ý kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đối với ông Trần Hữu Cường, kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2021 cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
20	20/QĐ-HĐQT	04/06/2021	Quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đối với ông Trần Hữu Cường
21	21/NQ-HĐQT	11/06/2021	<p>Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là Công ty thực hiện báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty; - Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020.
22	22/NQ-HĐQT	28/07/2021	<p>Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính quý II năm 2021 và 6 tháng năm 2021; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2021; - Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm lại ông Hà Thái Sơn giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước.
23	23/QĐ-HĐQT	04/10/2021	Quyết nghị việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Trần Hữu Cường – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.
24	24/NQ-HĐQT	26/10/2021	<p>Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả sản xuất kinh doanh quý III năm 2021; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV năm 2021.
25	24A/QĐ-HĐQT	25/10/2021	Giữ lại, tiếp tục quản lý, sử dụng 01 cơ sở nhà, đất tại tỉnh Vĩnh Long phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
26	25/QĐ-HĐQT	26/10/2021	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2021
27	26/NQ-HĐQT	03/11/2021	<p>Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021: + Chương trình Đại hội: Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025. + Hình thức tổ chức: Trực tiếp hoặc trực tuyến tùy vào tình hình dịch bệnh Covid-19. + Ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội: 24/11/2021

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
28	27/NQ-HĐQT	21/12/2021	Hội đồng quản trị họp, thống nhất ban hành Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đối với ông Đặng Tấn Thành. Hội đồng quản trị họp, thông qua các nội dung sau: - Chấp thuận phương án xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo nội dung Tờ trình số 1100/TTr-PBMN ngày 20/12/2021 của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể: + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Công ty TNHH MTV Trung Nhân Nguyễn - số tiền nợ: 121.366.650 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông - số tiền nợ: 3.669.353.250 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Công ty TNHH MTV Minh Thiện - số tiền nợ: 2.052.498.348 đồng + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Công ty cổ phần Đường Bình Định - số tiền nợ: 711.541.323 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: DNTN Thung Hoa - Số tiền nợ: 382.050.000 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Lễ: 235.000.000 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Công ty TNHH Tín Hưng: 38.500.000 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Những khoản nợ phải thu (số dư nợ phải thu tài khoản 331) phát sinh theo kết luận của Kiểm toán Nhà Nước kiểm toán năm 2011: 293.300.161 đồng. (Bao gồm Công ty TNHH TM XD Phước Lộc: 76.634.444 đồng; Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng: 51.723.047 đồng; Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 710: 123.266.288 đồng; Xí nghiệp Tư vấn thiết kế xây dựng: 9.74.942 đồng; Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn: 31.933.440 đồng).
29	28/NQ-HĐQT	21/12/2021	+ Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Lễ: 235.000.000 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Công ty TNHH Tín Hưng: 38.500.000 đồng. + Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi của khách hàng: Những khoản nợ phải thu (số dư nợ phải thu tài khoản 331) phát sinh theo kết luận của Kiểm toán Nhà Nước kiểm toán năm 2011: 293.300.161 đồng. (Bao gồm Công ty TNHH TM XD Phước Lộc: 76.634.444 đồng; Công ty cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng: 51.723.047 đồng; Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 710: 123.266.288 đồng; Xí nghiệp Tư vấn thiết kế xây dựng: 9.74.942 đồng; Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn: 31.933.440 đồng).
30	29/NQ-HĐQT	27/12/2021	Hội đồng quản trị Công ty họp thống nhất đề cử ông Ngô Ngọc Quang làm ứng viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam nhiệm kỳ 2020 - 2025

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
31	30/QĐ-HĐQT	27/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc xử lý các khoản nợ khó đòi
32	31/QĐ-HĐQT	27/12/2021	Quyết định của Hội đồng quản trị về việc cử ông Lê Việt Hưng, Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất Công ty tham gia bộ phận quản lý, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hóa chất chất hoá dẻo VINA
33	32/NQ-ĐHĐCĐ	30/12/2021	Miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên HĐQT



Ban Kiểm soát

Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phan Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát	3	0%
2	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
3	Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	7	0%

Danh sách Ban Kiểm soát



Ông Phạm Đức Hoài

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	10/02/1963
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

- 11/1992 - 10/2009: Chuyên viên phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 11/2009 - 02/2016: Phó phòng Kế toán - Tài chính tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 03/2016 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

**Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương***Thành viên Ban Kiểm soát*

Ngày sinh 13/10/1978
Nơi sinh Thanh Hóa
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

- 2005 - 2010: Trợ lý, kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- 2010 - 03/2013: Kế toán tổng hợp tại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 04/2013 - 06/2014: Trưởng bộ phận Tài chính - Kế toán tại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 07/2014 - 09/2014: Phó phòng Tài chính - Kế toán tại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 10/2014 - 11/2019: Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 05/2015 - 02/2016: Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 03/2016 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 12/2019 - nay: Phó Trưởng phòng Quản lý tài chính dự án thuộc Ban Tài chính Kế toán tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Phó Trưởng phòng Quản lý tài chính dự án thuộc Ban Tài chính Kế toán tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Số lượng cổ phần sở hữu 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

**Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng***Thành viên Ban Kiểm soát*

Ngày sinh 06/06/1977
Nơi sinh Thanh Hóa
Quốc tịch Việt Nam
Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác

- 12/2002 - 09/2003: Nhân viên phòng Kế toán tại Công ty Giống cây trồng Nông Hữu tại Đồng Nai
- 10/2003 - 01/2011: Nhân viên phòng Kế toán Nhà máy Phân bón Hiệp Phước tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 02/2011 - 12/2012: Nhân viên phòng Tổng hợp, Ủy viên Ban Chấp Hành Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 01/2013 - 02/2020: Chi ủy viên Chi bộ Văn phòng, chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính, Ủy viên Ban Chấp Hành Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
- 03/2020 - nay: Chi ủy viên chi bộ Văn phòng- Bao Bì. Ủy viên ban chấp hành Công đoàn, chuyên viên Phòng tổ chức Hành chính Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số lượng cổ phần sở hữu 7 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 639 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00%



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm.

Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của công ty. Nội dung chủ yếu các phiên họp của Ban kiểm soát bao gồm:

- Kiến nghị các công ty kiểm toán được chấp thuận để HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm của công ty
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty thông qua báo cáo tài chính định kỳ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

- Ban Kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp trong công tác triển khai.
- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát.
- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.
- HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp Ban Kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát	2	100%	
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	2	100%	
3	Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	2	100%	

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	22/3/2021	Thẩm định báo cáo tài chính năm Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghị quyết của ĐHCĐ
2	02/BKS	07/8/2021	Đánh giá hoạt động của hệ thống quản lý, điều hành SXKD



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thu nhập
1	Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	534.750.438
2	Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	336.388.052
3	Ông Trần Hữu Công	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	389.909.333
4	Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	72.000.000
5	Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT	297.592.620
6	Ông Trần Phi Hùng	Thành viên HĐQT	57.000.000
7	Ông Đỗ Minh Tuấn	Kế toán trưởng	379.168.756

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có



Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	
Ông Đặng Tấn Thành	Thành viên	
Ông Lê Việt Hưng	Thành viên	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Phi Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021
Ông Trần Hữu Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Tấn Thành	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2022
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2021
Ông Trần Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu ngày 01 tháng 11 năm 2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Thành viên
Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đặng Tấn Thành
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



(Handwritten signature)

Trần Trung Hiếu
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of IIA International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.186.707.143.611	811.553.450.785
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	101.697.190.454	56.262.877.163
111	1. Tiền		9.697.190.454	18.262.877.163
112	2. Các khoản tương đương tiền		92.000.000.000	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	286.984.000.000	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		286.984.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		177.471.868.354	294.612.710.121
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	104.891.721.507	279.208.065.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	104.018.601.735	38.024.481.011
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.880.025.979	17.815.779.232
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(37.318.480.867)	(40.435.615.963)
140	IV. Hàng tồn kho	09	608.551.955.001	418.297.118.838
141	1. Hàng tồn kho		608.551.955.001	418.297.118.838
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.002.129.802	12.380.744.664
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	990.436.992	4.657.564.230
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.071.668.691	6.094.063.356
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	940.024.119	1.629.117.078
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		241.796.689.095	243.731.753.481
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		300.591.000	16.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	310.591.000	26.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(10.000.000)	(10.000.000)
220	II. Tài sản cố định		167.551.982.376	168.827.414.407
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	78.979.740.295	78.562.758.647
222	- Nguyên giá		521.118.311.099	498.269.827.089
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(442.138.570.804)	(419.707.068.442)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	934.670.457	-
225	- Nguyên giá		1.246.227.273	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(311.556.816)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	87.637.571.624	90.264.655.760
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.064.873.083)	(24.437.788.947)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.074.170.840	12.480.730.121
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.074.170.840	12.480.730.121
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	43.874.896.709	28.582.556.709
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		43.874.896.709	28.582.556.709
260	VI. Tài sản dài hạn khác		28.995.048.170	33.825.052.244
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	28.089.234.995	33.825.052.244
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	905.813.175	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.428.503.832.706	1.055.285.204.266

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		844.839.712.084	495.868.249.144
310	I. Nợ ngắn hạn		843.944.332.930	495.536.398.369
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	75.092.258.447	96.000.715.733
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	16.578.898.444	1.514.922.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.937.575.705	13.207.394
314	4. Phải trả người lao động		29.081.406.337	5.863.190.442
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	8.716.430.357	2.275.078.917
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	14.272.568.536	9.763.631.997
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	697.265.193.104	380.105.651.743
330	II. Nợ dài hạn		895.379.154	331.850.775
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	155.900.152	162.731.265
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	169.119.510	169.119.510
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	570.359.492	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		583.664.120.622	559.416.955.122
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	583.664.120.622	559.416.955.122
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		59.915.529.529	59.915.529.529
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.384.337.956	13.137.172.456
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		788.779.470	10.111.425.761
421b	LNST chưa phân phối năm nay		36.595.558.486	3.025.746.695
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.428.503.832.706	1.055.285.204.266

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.117.795.193.883	1.432.243.941.364
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	8.118.017.993	43.779.526.819
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.109.677.175.890	1.388.464.414.545
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.948.958.392.719	1.288.924.083.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.718.783.171	99.540.331.204
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	10.347.341.149	17.867.035.009
22	7. Chi phí tài chính	28	25.034.492.410	27.675.079.697
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.751.950.226	23.684.233.255
25	8. Chi phí bán hàng	29	72.713.432.368	54.543.394.830
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	36.226.421.289	38.252.059.699
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.091.778.253	(3.063.168.014)
31	11. Thu nhập khác	31	6.516.717.229	6.456.112.424
32	12. Chi phí khác	32	563.519.030	367.197.715
40	13. Lợi nhuận khác		5.953.198.199	6.088.914.709
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.044.976.452	3.025.746.695
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	7.355.231.141	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(905.813.175)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		36.595.558.486	3.025.746.695
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	764	55

Nguyễn Thị Hương
Người lập

Đỗ Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Thành
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Nguyễn Thị Hương
Người lập

Đỗ Văn Tuấn
Kế toán trưởng



Đặng Tấn Thành
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.044.976.452	3.025.746.695
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.912.132.477	23.548.514.074
03	- Các khoản dự phòng		4.093.174.474	11.823.180.935
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(323.053.044)	894.586.186
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.636.523.282)	(15.845.504.220)
06	- Chi phí lãi vay		21.751.950.226	23.684.233.255
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		86.842.657.303	47.130.756.926
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		96.485.999.929	1.433.539.503
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(190.254.836.163)	34.008.555.235
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.038.869.186	(12.212.360.523)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.719.352.767	7.411.638.597
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.499.192.900)	(25.739.451.292)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.871.879.520)	(780.805.858)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.168.568.325)	(2.642.039.798)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.292.402.277	48.609.832.791
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(14.300.322.172)	(19.110.752.819)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		523.818.182	272.345.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(419.884.000.000)	(30.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		162.900.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.096.599.928	268.911.916
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(265.663.904.062)	(48.569.495.448)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.065.106.830.963	1.117.020.403.879
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.748.341.926.238)	(1.134.320.810.148)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(393.501.872)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.902.823.250)	(356.631.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		304.468.579.603	(17.657.037.469)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		45.097.077.818	(17.616.700.126)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		56.262.877.163	73.875.146.647
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		337.235.473	4.430.642
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	101.697.190.454	56.262.877.163


 Nguyễn Thị Hương
 Người lập


 Đỗ Văn Tuấn
 Kế toán trưởng



 Đặng Tấn Thành
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 478.973.330.000 đồng; tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 687 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 670 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Supe lân, NPK, phân bón lá Yogen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, do tình hình kinh doanh phân bón có nhiều chuyển biến tích cực, nhu cầu về phân bón của thị trường hồi phục sau một thời gian dài ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, đồng thời giá bán nông sản được cải thiện nhiều. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh mặt hàng phân bón của Công ty làm cho doanh thu tăng khoảng 685 tỷ (tương ứng tỷ lệ tăng 47,87%) và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 40 tỷ (tương ứng tăng khoảng 13,2 lần) so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bì	C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bì

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Lĩnh vực chính của Công ty là kinh doanh phân bón và hoạt động kinh doanh chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.303.821.683	4.501.644.678
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.393.368.771	13.761.232.485
Các khoản tương đương tiền (*)	92.000.000.000	38.000.000.000
	101.697.190.454	56.262.877.163

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tuần đến 01 tháng có giá trị 92.000.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 3,2%/năm.

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư ngắn hạn	286.984.000.000	-	30.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	286.984.000.000	-	30.000.000.000	-
	286.984.000.000	-	30.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 286.984.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 5,7%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND		VND		VND		VND	
Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina (*)	43.874.896.709	-	-	-	28.582.556.709	-	-	
	43.874.896.709	-	-	-	28.582.556.709	-	-	

(*) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

(1) Công ty TNHH Hóa chất LG Vina chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina từ ngày 20/10/2021.

(2) Theo Công văn số 151/LGCVH ngày 30/12/2020 của Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina, Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina đã quyết định phân chia lợi nhuận năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 50% vốn pháp định là 1.900.000 USD và tăng vốn điều lệ thông qua việc tăng vốn góp của các bên góp vốn bằng tiền với tỷ lệ 50% vốn điều lệ hiện tại, vốn điều lệ tăng từ 3.800.000 USD lên 5.700.000 USD. Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã hoàn thành việc tăng vốn nêu trên.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	Tỉnh Đồng Nai	35,00%	35,00%	Sản xuất, kinh doanh hóa chất

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh số 40.

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	9.762.497.412	-	5.816.231.592	-
- Công ty TNHH Phân bón Nguyễn Ngọc	2.558.540.000	-	689.017.150	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	800.000.000	-	23.473.154.345	-
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	5.313.992.731	(811.647.819)	18.204.992.731	-
- Công ty TNHH MTV Minh Bình Gia Lai	1.453.918.375	(726.959.188)	7.283.728.375	(1.223.552.188)
- Công ty TNHH MTV Nông sản Thành Mai	6.611.968.646	(3.016.814.323)	18.152.668.646	(4.084.836.948)
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phân bón Toàn Cầu	11.987.423.128	(5.012.168.278)	8.938.460.138	(2.591.815.379)
- Công ty TNHH Hoàng Thuận Tín	4.500.268.459	(4.358.959.459)	6.005.411.748	(4.109.582.224)
- Hộ kinh doanh Phan Đăng Huy	665.074.642	(199.522.393)	21.047.588.542	-
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Văn	3.686.790.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	7.527.167.500	-	-	-
- Xi nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	-	-	-	-
- Đại lý Huy Chính	-	-	7.334.325.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	50.024.080.614	(23.122.409.407)	17.364.223.855	(313.109)
	104.891.721.507	(37.248.480.867)	279.208.065.841	(40.365.615.963)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	12.261.776.234	-	7.346.564.189	-

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết				
- Công ty Cổ phần Phân Đạm và hóa chất Hà Bắc	329.027.000	-	12.426.020.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thiết kế Quốc tế Đông Á	397.112.100	-	9.947.541.260	-
- Hearty Chem Corporation	12.599.036.500	-	3.328.150.116	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Tân	90.592.480	-	1.901.994.537	-
- Công ty TNHH MTV Phân bón Bình Nguyễn	17.553.200.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại XNK Khai Anh	15.330.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - VINACHEM	12.040.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Phân bón Toàn Cầu	-	-	3.051.424.750	-
- Công ty TNHH Cơ khí Chín Mách	-	-	1.194.629.500	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	45.679.633.655	(70.000.000)	6.174.720.848	(70.000.000)
	104.018.601.735	(70.000.000)	38.024.481.011	(70.000.000)
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	12.136.090.000	-	12.585.580.000	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	15.292.340.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.028.012.021	-	11.906.849	-
- Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	290.872.189	-	432.036.886	-
- Tạm ứng	906.062.309	-	324.630.017	-
- Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	223.741.000	-
- Các khoản chi hộ	839.802.000	-	45.293.411	-
- Thuế nhập khẩu để nghị hoàn tại Chi cục Hải quan Long Thành	-	-	1.169.964.458	-
- Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	77.061.196	-	-	-
- Phải thu khác	663.216.264	-	315.866.611	-
	5.880.025.979		17.815.779.232	
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	310.591.000	(10.000.000)	26.000.000	(10.000.000)
	310.591.000	(10.000.000)	26.000.000	(10.000.000)
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)				
	-	-	15.292.340.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Hùng	2.954.703.200	-	2.954.703.200	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Xây dựng Ngọc Lễ	3.083.166.331	-	3.534.485.331	-
- DNTN Trung Đông	-	-	3.669.353.250	-
- Các khoản khác	70.296.110.202	39.005.498.866	53.045.994.477	22.758.920.295
	76.333.979.733	39.005.498.866	63.204.536.258	22.758.920.295

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.200.267.543	-	6.401.428.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	468.640.216.509	-	220.139.890.384	-
Công cụ, dụng cụ	28.871.305	-	14.495.580	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	564.418.679	-	1.971.538.486	-
Thành phẩm	115.883.150.903	-	183.051.139.221	-
Hàng hoá	636.131.400	-	180.824.000	-
Hàng gửi đi bán	21.598.898.662	-	6.537.803.167	-
	608.551.955.001	-	418.297.118.838	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	-	109.300.000
- Quạt hút công nghiệp	-	109.300.000
Xây dựng cơ bản	1.074.170.840	11.055.021.841
- Dự án nâng cấp dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	282.727.273	282.727.273
- Dự án Cao ốc văn phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Bồn chứa hóa chất - Nhà máy Long Thành	-	241.396.364
- Đầu tư bổ sung thiết bị sản xuất axit H ₂ SO ₄ kỹ thuật hàm lượng 32% và 50% - Nhà máy Long Thành	-	9.542.354.637
- Đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen - Nhà máy Cửu Long	-	197.100.000
- Đầu tư máy tráng màng PE và máy in 2 mặt - Nhà máy Bao bì	11.000.000	11.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.316.408.280
- Dây chuyền hơi nước thùng quay 150.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	913.019.680
- Dây chuyền hơi nước thùng quay 60.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	403.388.600
	1.074.170.840	12.480.730.121

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	205.098.847.949	255.722.281.475	33.377.085.256	4.071.612.409	498.269.827.089
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	21.584.029.183	2.620.513.990	185.930.000	24.390.473.173
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.541.989.163)	-	(1.541.989.163)
Số dư cuối năm	205.098.847.949	277.306.310.658	34.455.610.083	4.257.542.409	521.118.311.099
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	173.859.884.150	212.034.405.264	30.349.744.407	3.463.034.621	419.707.068.442
- Khấu hao trong năm	5.652.745.476	16.393.589.151	1.513.809.676	413.347.222	23.973.491.525
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.541.989.163)	-	(1.541.989.163)
Số dư cuối năm	179.512.629.626	228.427.994.415	30.321.564.920	3.876.381.843	442.138.570.804
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.238.963.799	43.687.876.211	3.027.340.849	608.577.788	78.562.758.647
Tại ngày cuối năm	25.586.218.323	48.878.316.243	4.134.045.163	381.160.566	78.979.740.295

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 372.658.695.425 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
- Thuế tài chính	1.246.227.273	1.246.227.273
Số dư cuối năm	1.246.227.273	1.246.227.273
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Trích khấu hao	311.556.816	311.556.816
Số dư cuối năm	311.556.816	311.556.816
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	934.670.457	934.670.457

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Số dư cuối năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.844.888.936	592.900.011	24.437.788.947
- Khấu hao trong năm	2.411.484.132	215.600.004	2.627.084.136
Số dư cuối năm	26.256.373.068	808.500.015	27.064.873.083
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	89.779.555.771	485.099.989	90.264.655.760
Tại ngày cuối năm	87.368.071.639	269.499.985	87.637.571.624

(*) Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	152.369.033	5.109.846
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	642.193.261	1.335.586.588
Chi phí sửa chữa TSCĐ	195.874.698	293.812.050
Chi phí xúc tiến thương mại	-	1.852.056.141
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	1.170.999.605
	990.436.992	4.657.564.230
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	694.099.517	107.336.109
Chi phí phân bổ chất xúc tác	1.243.553.952	2.315.602.947
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	26.151.581.526	31.402.113.188
	28.089.234.995	33.825.052.244

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	17.462.024.807	17.462.024.807	11.212.297.230	11.212.297.230
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	10.051.569.064	10.051.569.064	10.850.643.981	10.850.643.981
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	11.394.629	11.394.629	24.718.339.975	24.718.339.975
- Công ty TNHH TM DV Thái Sơn	9.245.000.000	9.245.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần INTERSCO Mỹ Đình	5.358.000.000	5.358.000.000	-	-
- Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	-	-	12.281.542.550	12.281.542.550
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu An An	-	-	5.936.400.000	5.936.400.000
- Các khoản phải trả người bán khác	32.964.269.947	32.964.269.947	31.001.491.997	31.001.491.997
	75.092.258.447	75.092.258.447	96.000.715.733	96.000.715.733
	10.066.230.693	10.066.230.693	35.987.377.156	35.987.377.156

b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Heartychem Corporation	1.124.658.402	-
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Văn	3.975.000.000	-
- Công ty TNHH Baconco	8.400.000.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hữu Thái	-	945.061.370
- Người mua trả tiền trước khác	3.079.240.042	569.860.773
	16.578.898.444	1.514.922.143

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		15.528.277.055		15.528.277.055				-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		10.640.064.316		11.184.279.595				544.215.279		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.619.110.475		7.355.231.141		2.871.879.520				-		2.864.241.146	
Thuế Thu nhập cá nhân	10.006.603		562.541.959		492.408.191				-		73.334.559	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		1.069.836.684		1.465.645.524				395.808.840		-	
Các loại thuế khác	-		7.000.000		7.000.000				-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		32.000.000		32.000.000				-		-	
	1.629.117.078		35.194.951.155		31.581.489.885				940.024.119		2.937.575.705	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí lãi vay	VND	VND
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	514.224.513	261.467.187
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	4.529.065.874	276.000.000
- Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng - Nhà máy Hiệp Phước	2.867.556.576	923.898.917
	805.583.394	813.712.813
	8.716.430.357	2.275.078.917

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng (*)	155.900.152	162.731.265
	155.900.152	162.731.265

(*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/DHTD ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	249.253.302	538.180.108
- Bảo hiểm y tế	-	137.830.882
- Phải trả Tập đoàn về cổ phần hoá	3.623.472.867	3.623.472.867
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.106.495.200	2.108.955.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	570.684.000	499.174.000
- Phải trả thuế TNCN nộp thừa của cán bộ công nhân viên	111.534.221	136.945.317
- Phải trả về tiền giữ hộ khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.740.299.427	1.592.934.662
- Phải trả tiền giữ lại nhà thầu để bảo hành công trình	-	79.916.424
- Phải trả tiền mượn nguyên liệu	5.229.917.550	520.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	640.911.969	526.222.537
	14.272.568.536	9.763.631.997
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	169.119.510	169.119.510
	169.119.510	169.119.510

21 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	380.105.651.743	380.105.651.743	2.065.106.830.963	1.748.341.926.238	696.870.556.468	696.870.556.468
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	104.830.521.087	104.830.521.087	997.602.103.854	824.476.896.740	277.955.728.201	277.955.728.201
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé ⁽³⁾	131.327.717.866	131.327.717.866	482.895.076.285	385.055.657.633	229.167.136.518	229.167.136.518
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ⁽⁴⁾	97.074.147.210	97.074.147.210	380.856.624.263	379.215.877.796	98.714.893.677	98.714.893.677
- Ngân hàng TNHH Một thành viên CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽⁵⁾	46.873.265.580	46.873.265.580	47.866.324.172	74.659.589.752	20.080.000.000	20.080.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailense ⁽⁶⁾	-	-	394.638.636	-	394.638.636	394.638.636
			394.638.636	-	394.638.636	394.638.636
	380.105.651.743	380.105.651.743	2.065.501.469.599	1.748.341.926.238	697.265.195.104	697.265.195.104
b) Vay dài hạn						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailense ⁽⁶⁾	-	-	1.358.500.000	393.501.872	964.998.128	964.998.128
			1.358.500.000	393.501.872	964.998.128	964.998.128
			(394.638.636)	-	(394.638.636)	-
					570.359.492	964.998.128
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
Số 125B Cách mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, TP.
Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 20.2990091/2020-HĐCVHM/NHCT900-PHANBONMIENNAM ngày 23/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 20.299009/2020-HĐCVHM-SĐBS02/NHCT900-PHANBONMIENNAM ngày 23/11/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: kể từ ngày 23/11/2020 đến hết ngày 31/12/2021;
 - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,4%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 277.955.728.201 đồng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản.
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0091/2028/N-KD/01 ngày 17/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
 - Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
 - Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
 - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,4%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 229.167.136.518 đồng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/7609940/HĐTD ngày 10/03/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết 31/12/2021;
 - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ và theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; Lãi suất trong năm 2021 là 4,3% - 4,4%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 98.714.893.677 đồng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.
- Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/HĐTD/PBMN/201705 ký ngày 13/07/2017 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số SHBVN/BC/ANNEX06/PBMN/202103 ngày 06/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
 - Hạn mức tín dụng: 1.200.000 USD, loại tiền cho vay: Việt Nam Đồng (VND) hoặc Đô la Mỹ (USD);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày 12/03/2021 đến hết ngày 12/03/2022;
 - Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khoản rút vốn vay; Lãi suất trong năm 2021 là 4%/năm;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 20.080.000.000 đồng;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm.

(5) Hợp đồng tín dụng số STVN1268-17 ngày 27/10/2017 và Thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC1-STVN1268-17 ngày 02/07/2018, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC2-STVN1268-17 ngày 27/11/2019, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC3-STVN1268-17 ngày 09/11/2020, thỏa thuận sửa đổi thư tín dụng số AC4-STVN1268-17 ngày 26/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Thanh toán nguyên vật liệu, chi phí đóng gói, điện, than, chi phí quảng cáo, khuyến mãi và phí vận chuyển (bao gồm phí bốc dỡ);
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ thời điểm nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Quy định theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất trong năm 2021 là 3,2% - 3,4%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 70.952.798.072 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(6) Hợp đồng thuê tài chính số B210220801 ngày 01/03/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho thuê: Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease;
- + Tài sản thuê: Ô tô con Toyota;
- + Tổng giá trị hợp đồng: 1.358.500.000 đồng; Tổng số tiền thuê là 1.290.575.000 đồng;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi;
- + Thời hạn thanh toán: 36 tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 964.998.128 đồng ; Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 394.638.636 đồng.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu năm trước	478.973.330.000	59.915.529.529	-	7.390.923.137	10.450.592.036	556.730.374.702	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.025.746.695	3.025.746.695	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(123.166.275)	(123.166.275)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)	
Số dư cuối năm trước	478.973.330.000	59.915.529.529	-	7.390.923.137	13.137.172.456	559.416.955.122	
Số dư đầu năm nay	478.973.330.000	59.915.529.529	-	7.390.923.137	13.137.172.456	559.416.955.122	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	36.595.558.486	36.595.558.486	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(242.059.736)	(242.059.736)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)	
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(11.974.333.250)	(11.974.333.250)	
Số dư cuối năm nay	478.973.330.000	59.915.529.529	-	7.390.923.137	37.384.337.956	583.664.120.622	

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 7A/NQ-DHCD ngày 23/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020	100,00	13.137.172.456
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,84	242.059.736
Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	1,00	132.000.000
Chi trả cổ tức (2,5%/ vốn điều lệ tại 31/12/2020, tương ứng mỗi cổ phần nhận 250 đồng)	91,15	11.974.333.250
Lợi nhuận chưa phân phối	6,00	788.779.470

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Các cổ đông khác	34,95	167.385.200.000	34,95	167.385.200.000
	100	478.973.330.000	100	478.973.330.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	478.973.330.000	478.973.330.000
- Vốn góp cuối năm	478.973.330.000	478.973.330.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	499.174.000	855.805.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.974.333.250	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(11.902.823.250)	(356.631.200)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	570.684.000	499.174.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333	47.897.333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	59.915.529.529	59.915.529.529
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137	7.390.923.137
	67.306.452.666	67.306.452.666

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CAN ĐOẠI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBD tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m², tiền thuê đất trả hàng năm (đơn giá thuê đất từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2025 là 13.800 đồng/m²/năm).
- Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.827,66	1.445,39
- Đồng Euro (EUR)	201,37	201,37

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Cơ sở kinh doanh Phân bón Phạm Văn Ngọ	1.026.767.935	1.026.767.935
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ	1.625.632.560	1.625.632.560
- Lê Thị Kim Máy	958.333.307	958.333.307
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.669.353.250	-
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện	2.052.498.348	-
- Các đối tượng khác	2.085.936.213	597.478.240
	11.418.521.613	4.208.212.042

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thành phẩm	2.117.795.193.883	1.432.243.941.364
	2.117.795.193.883	1.432.243.941.364
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)	314.454.773.450	37.944.412.664

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.791.192.983	6.987.001.302
Hàng bán bị trả lại	1.118.825.010	36.517.891.017
Giảm giá hàng bán	208.000.000	274.634.500
	8.118.017.993	43.779.526.819

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.948.958.392.719	1.288.924.083.341
	1.948.958.392.719	1.288.924.083.341
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	425.072.327.708	179.831.305.712

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.112.705.100	280.818.765
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	634.841.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	15.292.340.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.911.583.005	1.659.034.664
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	323.053.044	-
	10.347.341.149	17.867.035.009
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	-	15.292.340.000

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.751.950.226	23.684.233.255
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.412.428.124	2.719.403.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	870.114.060	376.857.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	894.586.186
	25.034.492.410	27.675.079.697

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	790.977.942	729.647.655
Chi phí nhân công	5.840.839.225	5.324.958.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.718.222.965	38.096.544.899
Chi phí khác bằng tiền	14.363.392.236	10.392.243.621
	72.713.432.368	54.543.394.830

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	788.537.740	135.625.726
Chi phí nhân công	11.809.777.246	9.631.677.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.598.113.040	2.298.861.360
Chi phí dự phòng	4.093.174.474	11.488.222.929
Thuế, phí, và lệ phí	1.570.980.687	1.256.016.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.820.587.767	8.870.983.813
Chi phí khác bằng tiền	4.545.250.335	4.570.671.819
	36.226.421.289	38.252.059.699

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	523.818.182	272.345.455
Thu nhập từ phí ủy thác	685.999.937	-
Thu nhập từ bồi thường	87.318.000	38.575.479
Thu nhập từ bán phế liệu, CCDC	589.271.985	751.235.827
Thu nhập từ phí sử dụng cảng	3.572.863.339	2.853.323.796
Thu nhập từ nhập hàng thừa kiểm kê	-	1.818.703.231
Thu nhập từ cho thuê kho, hạ tầng	951.363.636	496.218.560
Thu nhập khác	106.082.150	225.710.076
	6.516.717.229	6.456.112.424
Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 40)</i>	2.547.990.685	3.162.648.922

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	32.000.000	208.440.061
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	93.298.000	800.000
Chi phí thu gom phế liệu	-	111.756.000
Chi phí khác	438.221.030	46.201.654
	563.519.030	367.197.715

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	43.044.976.452	3.025.746.695
Các khoản điều chỉnh tăng	4.926.442.237	11.380.248.572
- Chi phí không hợp lệ	397.376.363	248.876.061
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	10.236.786.325
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	894.586.186
- Chênh lệch tạm thời (chiết khấu)	4.529.065.874	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.195.262.986)	(15.292.340.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(15.292.340.000)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(337.235.473)	-
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP còn được trừ của năm 2020 chuyển sang	(9.653.701.631)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.204.325.882)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.776.155.703	(886.344.733)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.355.231.141	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(1.619.110.475)	(838.304.617)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.871.879.520)	(780.805.858)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.864.241.146	(1.619.110.475)

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	905.813.175	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	905.813.175	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(905.813.175)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(905.813.175)	-

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	36.595.558.486	3.025.746.695
Các khoản điều chỉnh	-	(374.059.736)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(374.059.736)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.595.558.486	2.651.686.959
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	47.897.333	47.897.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	55

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.726.130.913.126	1.120.788.733.280
Chi phí nhân công	83.519.383.437	62.555.350.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.912.132.477	23.548.514.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.882.579.683	116.836.377.596
Chi phí khác bằng tiền	33.846.050.549	37.819.671.568
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	2.000.291.059.272	1.361.548.646.622

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.697.190.454	-	56.262.877.163	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.082.338.486	(37.258.480.867)	297.049.845.073	(40.375.615.963)
Các khoản cho vay	286.984.000.000	-	30.000.000.000	-
Tài sản tài chính	499.763.528.940	(37.258.480.867)	383.312.722.236	(40.375.615.963)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	697.835.554.596	380.105.651.743
Phải trả người bán, phải trả khác	89.533.946.493	105.933.467.240
Chi phí phải trả	8.716.430.357	2.275.078.917
	796.085.931.446	488.314.197.900

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.697.190.454	-	-	101.697.190.454
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.523.266.619	300.591.000	-	73.823.857.619
Các khoản cho vay	286.984.000.000	-	-	286.984.000.000
	462.204.457.073	300.591.000	-	462.505.048.073

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.262.877.163	-	-	56.262.877.163
Phải thu khách hàng, phải thu khác	256.658.229.110	16.000.000	-	256.674.229.110
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	342.921.106.272	16.000.000	-	342.937.106.272

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	697.265.195.104	570.359.492	-	697.835.554.596
Phải trả người bán, phải trả khác	89.364.826.983	169.119.510	-	89.533.946.493
Chi phí phải trả	8.716.430.357	-	-	8.716.430.357
	795.346.452.444	739.479.002	-	796.085.931.446
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	380.105.651.743	-	-	380.105.651.743
Phải trả người bán, phải trả khác	105.764.347.730	169.119.510	-	105.933.467.240
Chi phí phải trả	2.275.078.917	-	-	2.275.078.917
	488.145.078.390	169.119.510	-	488.314.197.900

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.065.106.830.963	1.117.020.403.879
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.748.341.926.238	1.134.320.810.148

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	Công ty liên kết
- Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - Vinachem	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	314.454.773.450	37.944.412.664
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	1.664.443.419	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	306.973.744.031	15.780.732.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	22.163.680.664
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	5.816.586.000	-
Nhận cổ tức được chia	-	15.292.340.000
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	-	15.292.340.000
Thu nhập từ cung cấp điện, nước, chỗ neo tàu	2.547.990.685	3.162.648.922
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	2.547.990.685	3.162.648.922

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	425.072.327.708	179.831.305.712
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	82.704.122.327	48.171.297.692
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	116.501.830.000	53.382.125.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	27.546.993.000	6.030.398.000
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	910.687.250	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	3.000.000	-
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	147.158.546.994	35.098.234.975
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	14.850.000	22.440.000
- Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	-	3.010.909
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại TP. Hồ Chí Minh	12.181.637	14.123.636
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	-	4.736.000
- Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Biên Hòa - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	48.516.500	46.317.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	50.161.600.000	37.058.622.500
- Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật Hóa Chất	10.000.000	-
Giảm giá hàng mua	-	1.124.204.500
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	966.017.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	-	158.187.500
Chia cổ tức	7.789.703.250	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	7.789.703.250	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:


	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.261.776.234	7.346.564.189
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	1.191.889.222	734.400.167
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	9.762.497.412	5.816.231.592
- Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam - Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai	1.307.389.600	-
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - VINACHEM	-	795.932.430
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.136.090.000	12.585.580.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	12.426.020.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	96.090.000	159.560.000
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	12.040.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	15.292.340.000
- Công ty TNHH Hóa chất Chất Hóa dẻo Vina	-	15.292.340.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn	10.066.230.693	35.987.377.156
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	10.051.569.064	10.850.643.981
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn - Xí nghiệp Hơi kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	3.267.000	2.904.000
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	11.394.629	24.718.339.975
- Công ty Cổ phần DAP Số 2 - Vinachem	-	415.489.200


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	534.750.438	500.407.905
- Ông Đặng Tấn Thành	534.750.438	500.407.905
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	426.592.620	458.642.174
- Ông Vũ Minh Tuấn	336.388.052	-
- Ông Trần Hữu Cường	389.909.333	448.532.946
- Ông Nguyễn Văn Quý	72.000.000	84.000.000
- Ông Lê Việt Hưng	297.592.620	305.642.174
- Ông Trần Phi Hùng	57.000.000	69.000.000

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


 Nguyễn Thị Hương
 Người lập


 Đỗ Văn Tuấn
 Kế toán trưởng


 Đặng Tấn Thành
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Người đại diện theo pháp luật

